

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG



ISO 9001 : 2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên : Phạm Thị Lan Hương
Giảng viên hướng dẫn: Ths. Vũ Hùng Quyết

HẢI PHÒNG - 2012

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN
DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ
KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP
THIÊN PHÚ**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Phạm Thị Lan Hương
Giảng viên hướng dẫn: Ths. Vũ Hùng Quyết**

HẢI PHÒNG - 2012

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Phạm Thị Lan Hương

Mã SV: 120278

Lớp: QT1205K

Ngành: Kế toán – Kiểm toán

*Tên đề tài: Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định
kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần Thép Thiên Phú*

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).

- Trình bày khái quát những vấn đề lý luận cơ bản về tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

- Trình bày thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Thép Thiên Phú

- Đánh giá được ưu điểm, nhược điểm của tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần Thép Thiên Phú, trên cơ sở đề xuất một số giải pháp hoàn thiện.

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

Sử dụng số liệu kế toán của công ty từ ngày 01/01/2011 đến ngày 31/12/2011

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

Công ty Cổ phần Cổ phần Thép Thiên Phú

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: *Vũ Hùng Quyết*

Học hàm, học vị: *Thạc Sĩ*

Cơ quan công tác: *Trường Đại Học Hải Phòng*

Nội dung hướng dẫn: *Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Thép Thiên Phú*

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 02 tháng 04 năm 2012

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 07 tháng 07 năm 2012

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2012

Hiệu trưởng

GS.TS.NGƯT Trần Hữu Nghị

PHẦN NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):

.....
.....
.....

Hải Phòng, ngày ... tháng ... năm 2012

Cán bộ hướng dẫn

(Ký và ghi rõ họ tên)

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG I: NHỮNG LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP	3
1.1. Những vấn đề chung về tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	3
1.1.1. Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	3
1.1.2. Vai trò của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	4
1.1.3. Yêu cầu, nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định KQKD.	4
1.1.4. Một số khái niệm, thuật ngữ liên quan đến doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.....	5
1.1.4.1. Doanh thu và các loại doanh thu.....	5
1.1.4.2. Chi phí và các loại chi phí.....	7
1.1.5. Xác định kết quả kinh doanh.....	8
1.1.6. Bán hàng và các phương thức bán hàng trong doanh nghiệp.....	8
1.2. Tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.	10
1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và các khoản giảm trừ doanh thu.	10
1.2.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ trong doanh nghiệp.	10
1.2.1.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu.....	13
1.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán.	16
1.2.3. Kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp.....	21

1.2.3.1. Kế toán chi phí bán hàng.....	21
1.2.3.2. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp.....	22
1.2.3.3. Phương pháp hạch toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.....	23
1.2.4. Kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính.....	24
1.2.4.1. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính.....	24
1.2.4.2. Kế toán chi phí hoạt động tài chính.....	25
1.2.4.3. Phương pháp hạch toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính.....	26
1.2.5. Kế toán chi phí, thu nhập hoạt động khác.....	27
1.2.5.1. Kế toán thu nhập hoạt động khác.....	27
1.2.5.2. Kế toán chi phí hoạt động khác.....	28
1.2.5.3. Phương pháp hạch toán thu nhập khác và chi phí hoạt động khác.....	29
1.2.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	29
1.3. Tổ chức vận dụng hệ thống sổ sách kế toán vào tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.....	33
CHƯƠNG II: THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP THIÊN PHÚ.....	36
2.1. Khái quát chung về công ty cổ phần Thép Thiên Phú.....	36
2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty.....	36
2.1.2. Đặc điểm sản xuất kinh doanh của Công ty.	37
2.1.3. Cơ cấu, tổ chức bộ máy quản lý của công ty.	38
2.1.4. Tổ chức công tác kế toán tại công ty.	40
2.1.4.1. Tổ chức bộ máy kế toán.....	40
2.1.4.2. Tổ chức vận dụng chế độ kế toán.....	41
2.1.4.3. Tổ chức vận dụng hệ thống sổ sách và hình thức kế toán tại công ty.....	41

2.1.4.4. Tổ chức lập và phân tích báo cáo tài chính.	43
2.2. Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần Thép Thiên Phú.....	43
2.2.1. Kế toán doanh thu tại công ty Cổ phần Thép Thiên Phú.....	43
2.2.1.1. Các phương thức bán hàng tại công ty.....	43
2.2.1.2. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại công ty.....	44
2.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán.....	56
2.2.3. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp.....	63
2.2.4. Kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính.....	69
2.2.5. Kế toán thu nhập khác, chi phí khác.....	75
2.2.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.	81
CHƯƠNG 3: MỘT SỐ Ý KIẾN ĐỀ XUẤT NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP THIÊN PHÚ.....	88
3.1. Đánh giá chung về tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ Phần Thép Thiên Phú.....	88
3.1.1. Ưu điểm.....	88
3.1.2. Nhược điểm.....	90
3.2. Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của Công ty Cổ Phần Thép Thiên Phú.....	92
KẾT LUẬN.....	105
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	106

LỜI MỞ ĐẦU

Đất nước ta đã và đang hội nhập ngày càng sâu, rộng vào nền kinh tế thế giới. Việc tham gia các tổ chức kinh tế, đặc biệt là WTO đã tạo cho Việt Nam những cơ hội cũng như thách thức không nhỏ. Trong nền kinh tế thị trường có tính cạnh tranh cao đó, các doanh nghiệp Việt Nam muốn tồn tại và phát triển thì ngoài việc tổ chức tốt công tác quản lý, bất kỳ một doanh nghiệp nào muốn tồn tại và phát triển cũng phải nắm vững tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp mình cũng như kết quả của quá trình đó. Hoạt động sản xuất kinh doanh của các đơn vị kế toán trong bất kỳ lĩnh vực nào cũng đều gắn với hoạt động công tác quản trị tài chính mà hạch toán kế toán là bộ phận quan trọng của hệ thống quản trị tài chính. Đây là bộ phận gián tiếp góp phần tạo lên thành công chung cho các doanh nghiệp. Nó có vai trò tích cực trong việc kiểm soát và điều hành các hoạt động kinh tế góp phần quan trọng vào quản lý tài chính nói riêng và quản lý doanh nghiệp nói chung, giúp cho các nhà quản trị doanh nghiệp đưa ra các quyết định chính xác và hợp lý, đảm bảo hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp được phát triển bền vững và ngày càng được nâng cao.

Trong quá trình hạch toán kế toán, việc phản ánh công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh có ý nghĩa vô cùng quan trọng trong doanh nghiệp, nó kịp thời góp phần tăng tốc độ chu chuyển vốn lưu động tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình kinh doanh đồng thời ảnh hưởng lớn đến tình hình thực hiện tài chính của doanh nghiệp, giúp doanh nghiệp có được cái nhìn toàn diện đúng đắn về tình hình kinh doanh của mình.

Xuất phát từ thực tiễn đó nên trong thời gian thực tập tại công ty Cổ Phần Thép Thiên Phú em đã đi sâu vào nghiên cứu đề tài: “ Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ Phần Thép Thiên Phú ”

Kết cấu của bài khóa luận gồm 3 phần:

Chương I: Lý luận cơ bản về tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

Chương II: Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ Phần Thép Thiên Phú

Chương III: Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ Phần Thép Thiên Phú

Được sự hướng dẫn và giúp đỡ nhiệt tình của ThS. Vũ Hùng Quyết cùng các thầy cô trong khoa và sự chỉ bảo, giúp đỡ của tập thể Ban lãnh đạo cùng toàn thể phòng ban kế toán công ty Cổ Phần Thép Thiên Phú đã tạo điều kiện cho em hoàn thành bài khóa luận này. Song do trình độ nghiệp vụ và hiểu biết thực tế còn hạn chế nên bài viết của em không tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được sự đóng góp ý kiến của các thầy cô giáo để bài viết của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

CHƯƠNG I

NHỮNG LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP

1.1. Những vấn đề chung về tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

1.1.1. Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

Trong nền kinh tế thị trường hiện nay, vấn đề mà các doanh nghiệp luôn quan tâm là làm thế nào để hoạt động kinh doanh có hiệu quả cao nhất (tối đa hóa lợi nhuận và giảm thiểu hóa chi phí); và lợi nhuận là thước đo hiệu quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, các yếu tố liên quan trực tiếp đến việc xác định lợi nhuận là doanh thu, thu nhập khác và các khoản chi phí.

Để tồn tại và phát triển, các doanh nghiệp cần phải tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh để đáp ứng nhu cầu của thị trường. Trong hoạt động sản xuất kinh doanh đó thì khâu tiêu thụ là khâu cuối cùng và đóng vai trò quan trọng đối với toàn bộ hoạt động của doanh nghiệp. Ngoài phần doanh thu có được từ bán hàng và cung cấp dịch vụ thì doanh thu còn bao gồm khoản thu từ các hoạt động khác mang lại.

Việc tổ chức tốt khâu tiêu thụ sẽ đảm bảo nguồn tài chính cho doanh nghiệp trang trải các khoản chi phí hoạt động và thực hiện tốt quá trình tái sản xuất, tiếp tục mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh. Ngoài ra, doanh thu còn là nguồn cung cấp để các doanh nghiệp thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước. Bên cạnh đó, doanh thu còn có thể là nguồn tham gia góp vốn cổ phần, tham gia liên doanh, liên kết với các đơn vị khác. Tuy nhiên, nếu doanh thu trong kỳ không đủ bù đắp các khoản chi phí doanh nghiệp đã bỏ ra thì doanh nghiệp sẽ gặp khó khăn về mặt tài chính.

Bên cạnh đó, kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh còn là cơ sở để đánh giá hiệu quả của hoạt động sản xuất kinh doanh trong thời kỳ nhất định của

doanh nghiệp, là điều kiện để cung cấp các thông tin cần thiết cho Ban lãnh đạo phân tích lựa chọn những phương án tối ưu cho doanh nghiệp.

Chính vì vậy, việc tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh một cách khoa học, hợp lý và phù hợp có ý nghĩa quan trọng trong việc thu thập, xử lý và cung cấp thông tin cho doanh nghiệp, cơ quan quản lý để doanh nghiệp phát triển bền vững hơn.

1.1.2. Vai trò của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

Với sự phát triển kinh tế cùng với các chính sách mở của nhà nước, tiến trình gia nhập các tổ chức kinh tế khu vực và thế giới đã đầy đủ và có hiệu lực làm cho hàng hoá xuất hiện trên thị trường Việt Nam ngày càng tăng tạo nên sức ép cho các công ty trong nước. Để đứng vững trong guồng quay của nền kinh tế thị trường đòi hỏi các doanh nghiệp phải biết kinh doanh có hiệu quả, hợp lý chặt chẽ, nghiêm túc có hiệu quả công tác quản lý tiết kiệm chi phí nâng cao doanh thu, lợi nhuận.

Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh đóng vai trò quan trọng trong quá trình phản ánh và giám sát tình hình sản xuất kinh doanh, giúp cho các nhà quản lý thấy được hiệu quả sản xuất kinh doanh trong kỳ (biểu hiện thông qua chỉ tiêu lãi hay lỗ) từ đó có những biện pháp hoạch định cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong thời gian tiếp theo nhằm đạt hiệu quả cao hơn.

1.1.3. Yêu cầu, nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định KQKD.

Việc ghi chép và phản ánh đúng các khoản doanh thu, chi phí là hết sức quan trọng đối với tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp do đó kế toán doanh thu, chi phí và xác định KQKD có yêu cầu và nhiệm vụ:

- Phản ánh và ghi chép đầy đủ, kịp thời, chính xác tình hình hiện có và sự biến động của từng loại thành phẩm, hàng hóa theo chỉ tiêu số lượng, chất lượng, chủng loại và giá trị.

- Phản ánh và ghi chép đầy đủ, kịp thời và chính xác các khoản doanh thu, các khoản giảm trừ doanh thu và chi phí của từng hoạt động trong doanh nghiệp. Đồng thời theo dõi và đôn đốc các khoản phải thu của khách hàng.

- Tham mưu các giải pháp thúc đẩy bán hàng, tăng vòng quay của vốn.
- Cung cấp các thông tin cần thiết về tình hình bán hàng cho chủ doanh nghiệp kịp thời có số liệu, tình hình chỉ đạo hoạt động mua - bán kinh doanh của doanh nghiệp.
- Cung cấp các thông tin kế toán phục vụ cho việc lập Báo cáo tài chính và định kỳ phân tích hoạt động kinh tế liên quan đến quá trình bán hàng, xác định và phân phối kết quả.
- Phản ánh và tính toán chính xác kết quả của từng hoạt động, giám sát tình hình thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước để họ có căn cứ đánh giá sức mua, đánh giá tình hình tiêu dùng, đề xuất các chính sách ở tầm vĩ mô.

1.1.4. Một số khái niệm, thuật ngữ liên quan đến doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

1.1.4.1. Doanh thu và các loại doanh thu

*** Doanh thu**

Doanh thu là tổng giá trị các lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

*** Các loại doanh thu**

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ: Là số tiền thu được hoặc sẽ thu được từ các giao dịch nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hóa cung cấp dịch vụ cho khách hàng. Tổng doanh thu bán hàng là số tiền ghi trên hóa đơn, trên hợp đồng cung cấp lao vụ, dịch vụ gồm cả phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán (nếu có)

- Doanh thu tiêu thụ nội bộ: Là lợi ích kinh tế thu được từ việc bán hàng hóa, sản phẩm, cung cấp dịch vụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc, trong cùng một công ty, tổng công ty tính theo giá bán nội bộ.

- Doanh thu hoạt động tài chính: Bao gồm những khoản thu từ hoạt động tài chính hoặc kinh doanh về vốn mang lại như: Tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia, khoản lãi về chênh lệch tỷ giá hối đoái, thu nhập về các khoản

đầu tư mua bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn, thu nhập về các hoạt động đầu tư khác vào công ty liên kết, công ty con, đầu tư vốn khác và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

- Thu nhập khác: Là những khoản thu mà doanh nghiệp không dự tính trước được hoặc có dự tính đến nhưng ít có khả năng thực hiện hoặc là những khoản không mang tính chất thường xuyên.

***Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng thuần mà doanh nghiệp thu được (doanh thu thuần) có thể thấp hơn doanh thu bán hàng. Doanh thu thuần là khoản chênh lệch giữa doanh thu bán hàng và các khoản giảm trừ doanh thu, bao gồm:

- ✚ Chiết khấu thương mại là khoản doanh nghiệp bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn.
- ✚ Giảm giá hàng bán là khoản giảm trừ cho người mua do toàn bộ hay một phần hàng hoá kém phẩm chất, sai quy cách hoặc lạc hậu thị hiếu.
- ✚ Giá trị hàng bán bị trả lại là giá trị khối lượng hàng bán đã xác định là tiêu thụ bị khách hàng trả lại và từ chối thanh toán do các nguyên nhân như: vi phạm cam kết; vi phạm hợp đồng kinh tế; hàng bị mất, kém phẩm chất; không đúng chủng loại, quy cách.
- ✚ Thuế tiêu thụ đặc biệt: là loại thuế được đánh vào doanh thu của các doanh nghiệp sản xuất một số mặt hàng đặc biệt mà nhà nước không khuyến khích sản xuất như: rượu, bia, thuốc lá, vàng mã...
- ✚ Thuế xuất khẩu: là một sắc thuế đánh vào tất cả hàng hoá, dịch vụ mua bán, trao đổi với nước ngoài khi xuất khẩu ra khỏi lãnh thổ Việt Nam.
- ✚ Thuế GTGT của doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp: là thuế tính trên giá trị tăng thêm của hàng hoá dịch vụ phát sinh trong quá trình sản xuất lưu thông đến tiêu dùng. Thuế GTGT của doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp phải nộp tương ứng với số doanh thu đã được xác định trong kỳ báo cáo.

1.1.4.2. Chi phí và các loại chi phí

* Chi phí

Chi phí nói chung là sự hao phí thể hiện bằng tiền của toàn bộ các khoản hao phí trong quá trình kinh doanh của doanh nghiệp với mong muốn mang về một sản phẩm, dịch vụ hoàn thành hoặc một kết quả kinh doanh nhất định.

* Các loại chi phí

❖ Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là giá trị thực tế xuất kho của số sản phẩm, hàng hoá (hoặc gồm cả chi phí mua hàng phân bổ cho hàng hoá đã bán ra trong kỳ đối với doanh nghiệp thương mại), hoặc là giá thành thực tế lao vụ, dịch vụ hoàn thành và đã được xác định là tiêu thụ và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh được tính vào giá vốn hàng bán để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

❖ Chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng là toàn bộ các chi phí có liên quan đến việc tiêu thụ sản phẩm, hàng hoá của doanh nghiệp, bao gồm: Chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển; chi phí chào hàng, giới thiệu, quảng cáo; chi phí hoa hồng đại lý, chi phí bảo hành sản phẩm; chi phí nhân viên bán hàng; chi phí dụng cụ, đồ dùng, khấu hao TSCĐ phục vụ bán hàng; chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác.

❖ Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp là các chi phí có liên quan tới toàn bộ hoạt động quản lý điều hành chung của doanh nghiệp, bao gồm: các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ phục vụ quản lý văn phòng; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác.

❖ Chi phí hoạt động tài chính

Chi phí tài chính phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, như chi phí tiền lãi vay, và những chi phí liên quan đến

hoạt động cho các bên khác sử dụng tài sản sinh ra lợi nhuận, tiền bản quyền,... Những chi phí này phát sinh dưới dạng tiền và các khoản tương đương tiền.

❖ Chi phí khác

Chi phí khác là những khoản lỗ do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp gây ra; cũng có thể là những khoản chi phí bị bỏ sót từ những năm trước.

❖ Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm nhằm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

1.1.5. Xác định kết quả kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh là kết quả cuối cùng của hoạt động tiêu thụ hàng hoá của doanh nghiệp sau một thời kỳ nhất định, biểu hiện bằng số tiền lãi hay lỗ trong một thời kỳ nhất định.

Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm:

- Kết quả hoạt động kinh doanh thông thường: Là kết quả của những hoạt động tạo ra doanh thu của doanh nghiệp, đó là hoạt động bán hàng, cung cấp dịch vụ và hoạt động tài chính.

- Kết quả hoạt động khác: Là kết quả được tính bằng thu nhập khác trừ chi phí khác và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

1.1.6. Bán hàng và các phương thức bán hàng trong doanh nghiệp

Bán hàng: Là bán các sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất ra hoặc các sản phẩm mua vào. Để bán hàng hóa thì doanh nghiệp thường có các phương thức bán hàng sau:

*** Bán hàng trực tiếp**

Là phương thức giao hàng trực tiếp cho người mua tại kho, tại quầy, hay tại phân xưởng sản xuất của doanh nghiệp. Sau khi người mua đã nhận đủ hàng và ký vào hoá đơn bán hàng thì số hàng đã bàn giao được chính thức coi là tiêu thụ. Bao gồm bán buôn và bán lẻ :

- Bán buôn: Bán buôn hàng hoá là việc bán hàng cho các đơn vị thương mại hoặc bán cho các đơn vị sản xuất để tiếp tục sản xuất. Đặc điểm của bán buôn thường là bán với khối lượng lớn, hàng hoá chưa đến tay người tiêu dùng, giá trị và giá trị sử dụng hàng hoá chưa được thực hiện đầy đủ.

- Bán lẻ: Trong khâu bán lẻ, chủ yếu là bán thu bằng tiền mặt và thường thì hàng hoá xuất giao cho khách hàng và thu tiền trong cùng một thời điểm.

*** Bán đúng giá hưởng hoa hồng**

Là phương thức mà bên chủ hàng (gọi là bên giao đại lý) xuất hàng giao cho bên nhận đại lý (bên đại lý) để bán, bên đại lý sẽ được hưởng thù lao đại lý dưới hình thức hoa hồng hoặc chênh lệch giá. Khi xuất hàng gửi đi, hàng vẫn thuộc sở hữu của doanh nghiệp, chỉ khi nào khách hàng đã trả tiền hoặc chấp nhận thanh toán thì khi đó hàng mới chuyển quyền sở hữu và được ghi nhận doanh thu bán hàng.

*** Phương thức bán trả chậm, trả góp**

Là phương thức bán hàng thu tiền nhiều lần. Người mua sẽ thanh toán lần đầu ngay tại thời điểm mua. Số tiền trả chậm phải chịu một tỷ lệ lãi suất nhất định. Thông thường, số tiền trả ở các kỳ tiếp theo bằng nhau, trong đó bao gồm một phần doanh thu gốc và một phần lãi trả chậm. Theo phương thức trả góp, về mặt hạch toán, khi giao hàng cho người mua thì lượng hàng được chuyển giao được coi là tiêu thụ. Về thực chất, chỉ khi nào người mua thanh toán hết tiền hàng thì doanh nghiệp mới mất quyền sở hữu.

*** Phương thức hàng đổi hàng**

Là phương thức tiêu thụ mà trong đó, người bán đem sản phẩm, vật tư, hàng hoá của mình để đổi lấy vật tư, hàng hoá của người mua. Giá trao đổi là giá bán của hàng hoá, vật tư đó trên thị trường.

*** Bán hàng theo phương thức tiêu thụ sản phẩm nội bộ**

Theo phương thức này doanh nghiệp dùng sản phẩm của mình để trả lương cho cán bộ, công nhân viên trong doanh nghiệp.

1.2. Tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và các khoản giảm trừ doanh thu.

1.2.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ trong doanh nghiệp.

a. Thời điểm ghi nhận doanh thu bán hàng.

1. Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá cho người mua.

2. Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá như người sở hữu hàng hoá hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

3. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn tức là đã xác định được tương đối chắc chắn về thời điểm chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.

4. Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.

5. Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng. Doanh thu và chi phí liên quan tới cùng một giao dịch phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp

b. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu.

- Với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu VAT và doanh nghiệp nộp VAT theo phương pháp khấu trừ thì doanh thu là giá bán chưa có VAT.

- Với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ không thuộc diện chịu thuế VAT hoặc nộp VAT theo phương pháp trực tiếp thì doanh thu là tổng giá thanh toán (giá bán có thuế).

- Với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB, thuế XK thì doanh thu là tổng giá thanh toán (giá bán đã bao gồm cả thuế TTĐB hoặc thuế XK).

- Doanh nghiệp nhận gia công vật tư, hàng hóa thì chỉ phản ánh vào doanh thu số tiền thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hóa nhận gia công.

- Đối với hàng hóa nhận bán đại lý, ký gửi theo phương thức bán đúng giá

hưởng hoa hồng thì hạch toán vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ phần hoa hồng bán hàng mà doanh nghiệp được hưởng.

- Trường hợp bán hàng theo phương thức trả chậm, trả góp thì doanh nghiệp ghi nhận doanh thu bán hàng theo giá bán trả tiền ngay và ghi nhận vào doanh thu chưa thực hiện phần lãi tính trên khoản phải trả nhưng trả chậm phù hợp với thời điểm ghi nhận doanh thu được xác định.

c. Chứng từ ,tài khoản sử dụng

*** Chứng từ sử dụng**

- Hoá đơn bán hàng thông thường
- Hoá đơn GTGT
- Phiếu xuất kho
- Phiếu thu
- Giấy báo có của ngân hàng
- Các chứng từ khác có liên quan

*** Tài khoản sử dụng.**

❖ TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán của hoạt động sản xuất kinh doanh.

➤ Bên Nợ:

- Số thuế tiêu thụ đặc biệt hoặc thuế xuất khẩu phải nộp tính trên doanh thu bán hàng thực tế của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng và được xác định là đã bán trong kỳ kế toán.

- Số thuế GTGT phải nộp của doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp.

- Doanh thu hàng bán bị trả lại kết chuyển cuối kỳ.

- Khoản giảm giá hàng bán kết chuyển cuối kỳ.

- Khoản chiết khấu thương mại kết chuyển cuối kỳ.

- Kết chuyển doanh thu thuần vào Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

➤ Bên Có:

- Doanh thu bán sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán.

➤ Tài khoản 511 không có số dư cuối kỳ.

➤ Tài khoản 511 có 6 tiểu khoản cấp 2:

- Tài khoản 5111 – Doanh thu bán hàng hoá
- Tài khoản 5112 – Doanh thu bán các thành phẩm
- Tài khoản 5113 – Doanh thu cung cấp dịch vụ
- Tài khoản 5114 – Doanh thu trợ cấp, trợ giá
- Tài khoản 5117 – Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư
- Tài khoản 5118 – Doanh thu khác

❖ Tài khoản 512 - Doanh thu bán hàng nội bộ

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu của số sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ tiêu thụ trong nội bộ doanh nghiệp. Doanh thu tiêu thụ nội bộ là lợi ích kinh tế thu được từ việc bán hàng hoá, sản phẩm, cung cấp dịch vụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc trong cùng một công ty, tổng công ty tính theo giá bán nội bộ.

➤ Bên Nợ:

- Trị giá hàng bán bị trả lại, khoản giảm giá hàng bán đã chấp nhận trên khối lượng sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã bán nội bộ kết chuyển cuối kỳ kế toán.

- Số thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp của số sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã bán nội bộ.

- Số thuế GTGT phải nộp theo phương pháp trực tiếp của số sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ tiêu thụ nội bộ.

- Kết chuyển doanh thu bán hàng nội bộ thuần vào Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

➤ Bên Có:

- Tổng số doanh thu bán hàng nội bộ của đơn vị thực hiện trong kỳ kế toán.

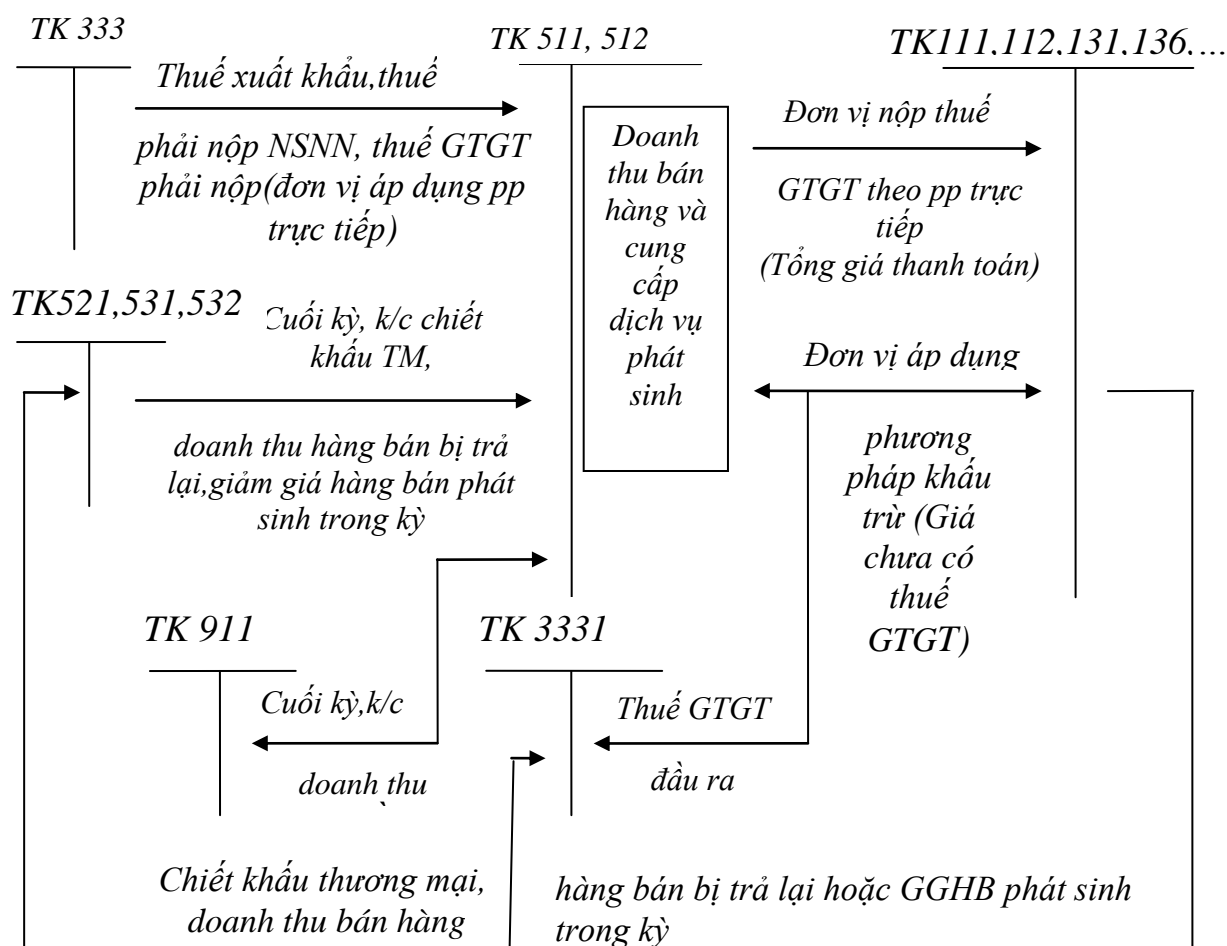
➤ Tài khoản 512 không có số dư cuối kỳ.

➤ Tài khoản 512 có 3 tiểu khoản cấp 2:

- Tài khoản 5121 – Doanh thu bán hàng hoá
- Tài khoản 5122 – Doanh thu bán các thành phẩm
- Tài khoản 5123 – Doanh thu cung cấp dịch vụ

c. Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu nội bộ được khái quát bằng sơ đồ 1.1



Sơ đồ 1.1 - Kế toán tổng hợp doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1.2.1.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

* Chứng từ sử dụng.

- Hoá đơn GTGT
- Phiếu chi
- Phiếu nhập kho

- Giấy báo nợ của Ngân hàng
- Các chứng từ khác có liên quan

*** Tài khoản sử dụng.**

❖ TK 521 - Chiết khấu thương mại

Tài khoản này dùng để phản ánh khoản chiết khấu thương mại mà doanh nghiệp đã giảm trừ hoặc đã thanh toán cho người mua hàng do việc người mua hàng đã mua hàng (sản phẩm, hàng hoá), dịch vụ với khối lượng lớn và theo thoả thuận bên bán sẽ dành cho bên mua một khoản chiết khấu thương mại (đã ghi trên hợp đồng kinh tế mua bán hoặc cam kết mua, bán hàng).

➤ Bên Nợ:

- Số chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng.

➤ Bên Có:

- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ số chiết khấu thương mại sang Tài khoản 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” hoặc Tài khoản 512 “Doanh thu bán hàng nội bộ” để xác định doanh thu của kỳ kế toán.

- Tài khoản 521 không có số dư cuối kỳ.

❖ TK 531 - Hàng bán bị trả lại

Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị của số sản phẩm, hàng hoá bị khách hàng trả lại (tính theo đúng đơn giá bán ghi trên hoá đơn). Các chi phí khác phát sinh liên quan đến việc hàng bán bị trả lại mà doanh nghiệp phải chi được phản ánh vào Tài khoản 641 “Chi phí bán hàng”.

➤ Bên Nợ:

- Doanh thu của hàng bán bị trả lại, đã trả lại tiền cho người mua hoặc tính trừ vào khoản phải thu khách hàng về số sản phẩm, hàng hoá đã bán.

➤ Bên Có:

- Kết chuyển doanh thu của hàng bán bị trả lại vào bên Nợ Tài khoản 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” hoặc Tài khoản 512 “Doanh thu bán hàng nội bộ” để xác định doanh thu thuần trong kỳ báo cáo.

- Tài khoản 531 không có số dư cuối kỳ.

❖ **TK 532 - Giảm giá hàng bán**

Tài khoản này dùng để phản ánh khoản giảm giá hàng bán thực tế phát sinh và việc xử lý khoản giảm giá hàng bán trong kỳ kế toán. Tài khoản chỉ phản ánh các khoản giảm trừ do việc chấp thuận giảm giá sau khi đã bán hàng và phát hành hoá đơn (giảm giá ngoài hoá đơn) do hàng bán kém phẩm chất,...

➤ Bên Nợ:

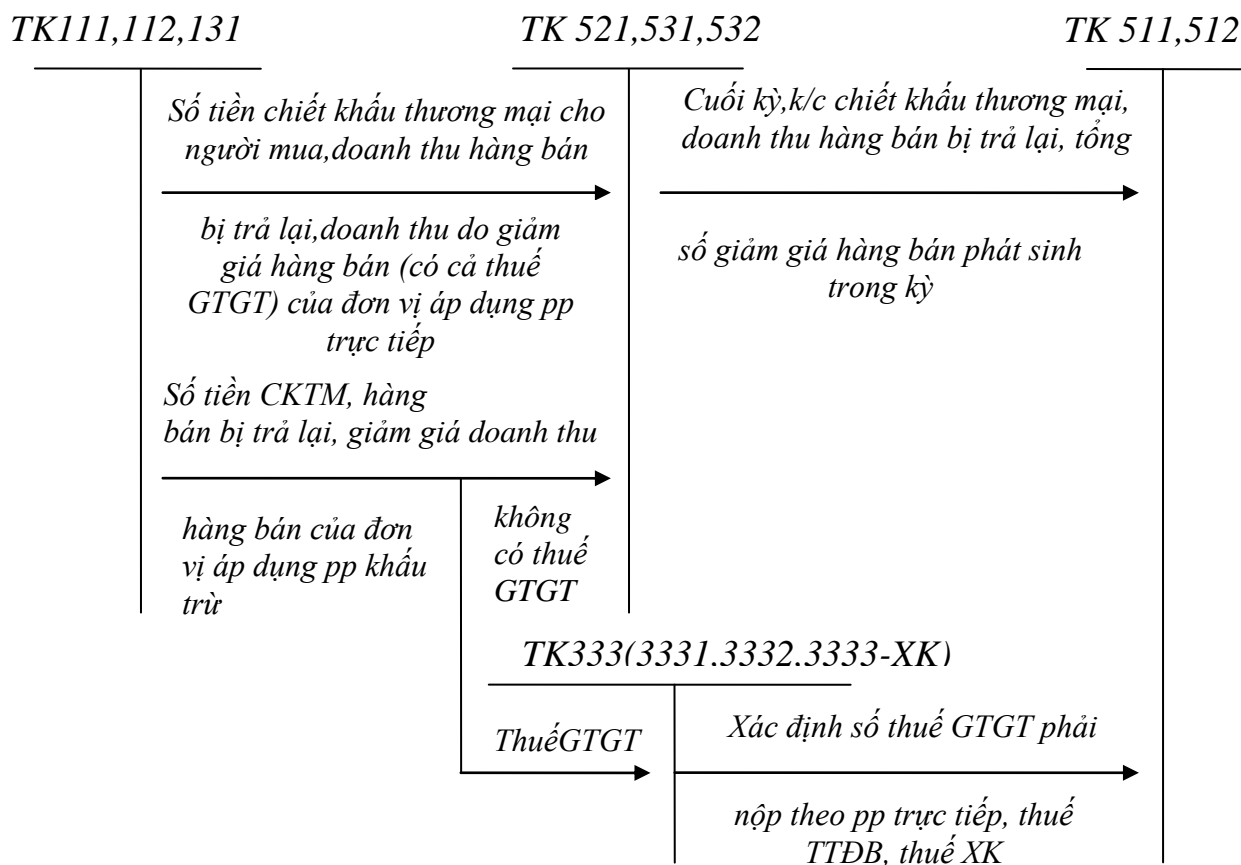
- Các khoản giảm giá hàng bán đã chấp thuận cho người mua hàng do hàng bán kém, mất phẩm chất hoặc sai quy cách quy định trong hợp đồng kinh tế.

➤ Bên Có:

- Kết chuyển toàn bộ số tiền giảm giá hàng bán sang Tài khoản 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” hoặc Tài khoản 512 “Doanh thu bán hàng nội bộ”.

➤ Tài khoản 532 không có số dư cuối kỳ.

* Ngoài ra còn sử dụng TK 333 “Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước”, phản ánh các khoản giảm trừ doanh thu như: thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp (TK 3331), thuế tiêu thụ đặc biệt (TK 3332), thuế xuất khẩu (TK 3333-XK)

* **Sơ đồ 1.2: Hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu**

Sơ đồ 1.2 - Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

1.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán.

Giá vốn hàng bán là giá trị thực tế xuất kho của số sản phẩm, hàng hoá (hoặc gồm cả chi phí mua hàng phân bổ cho hàng hoá đã bán ra trong kỳ đối với doanh nghiệp thương mại), hoặc là giá thành thực tế lao vụ, dịch vụ hoàn thành và đã được xác định là tiêu thụ và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh được tính vào giá vốn hàng bán để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

*** Phương pháp tính giá vốn hàng bán**

Để tính giá vốn từng mặt hàng xuất kho, doanh nghiệp sử dụng một trong bốn phương pháp sau:

❖ Phương pháp bình quân gia quyền

Khi tính giá vốn hàng bán theo phương pháp bình quân gia quyền ta có thể áp dụng 1 trong 2 cách tính sau:

+ *Phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ:*

$$\text{Đơn giá bình quân của hàng hoá xuất kho trong kỳ} = \frac{\text{Trị giá thực tế hàng tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá thực tế hàng hoá nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng hàng hoá tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng hàng hoá nhập trong kỳ}}$$

$$\text{Trị giá thực tế của hàng xuất trong kỳ} = \text{Số lượng hàng xuất trong kỳ} \times \text{Đơn giá thực tế bình quân}$$

Phương pháp giá đơn vị bình quân cả kỳ dự trữ tuy đơn giản, dễ làm nhưng độ chính xác không cao. Hơn nữa, công việc tính toán đơn giản dồn vào cuối tháng, gây ảnh hưởng đến công tác quyết toán nói chung.

+ *Phương pháp bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập (Bình quân liên hoàn):*

$$\text{Đơn giá đơn vị bình quân sau mỗi lần nhập} = \frac{\text{Giá thực tế hàng hóa tồn kho sau mỗi lần nhập}}{\text{Lượng thực tế hàng hóa tồn sau mỗi lần nhập}}$$

Phương pháp giá đơn vị bình quân sau mỗi lần nhập lại khắc phục được nhược điểm của phương pháp trên, vừa chính xác, vừa cập nhật. Nhược điểm của phương pháp này là tốn nhiều công sức, tính toán nhiều lần.

❖ **Phương pháp Nhập trước - Xuất trước (FIFO)**

Theo phương pháp này dựa trên giả định hàng nào nhập trước sẽ được xuất trước và lấy đơn giá xuất bằng đơn giá nhập. Trị giá hàng tồn kho cuối kỳ được tính theo đơn giá của những lần nhập sau cùng. Phương pháp này thích hợp trong trường hợp giá cả ổn định hoặc có xu hướng giảm.

❖ **Phương pháp Nhập sau- Xuất trước (LIFO)**

Phương pháp này dựa trên giả định là hàng nào nhập sau được xuất trước, lấy đơn giá xuất bằng đơn giá nhập. Trị giá hàng tồn kho cuối kỳ được tính theo đơn giá của những lần nhập đầu tiên. Phương pháp nhập sau - xuất trước thích hợp trong trường hợp lạm phát.

❖ **Phương pháp tính theo giá đích danh**

Theo phương pháp này khi xuất kho vật tư thì căn cứ vào số lượng xuất kho thuộc lô nào và đơn giá thực tế của lô đó để tính trị giá vốn thực tế của vật tư xuất kho. Phương pháp này thích hợp với những hàng hóa giá trị cao gắn với những đặc điểm riêng của nó.

*** Sự khác biệt về kế toán giá vốn hàng bán của doanh nghiệp thương mại với các doanh nghiệp khác**

- Giá mua vào của hàng hóa được đưa vào TK 1561
- Chi phí thu mua được đưa vào TK 1562

***Chứng từ sử dụng.**

- Phiếu xuất kho
- Phiếu nhập kho
- Hóa đơn GTGT
- Thẻ tính giá thành
- Các chứng từ khác có liên quan

*** Tài khoản sử dụng.****➤ TK 632 – Giá vốn hàng bán**

Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) bán trong kỳ.

Ngoài ra, tài khoản này còn dùng để phản ánh các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư. Đối với doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, nội dung và kết cấu của Tài khoản 632 như sau:

➤ Bên Nợ:

- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã bán trong kỳ.
- Chi phí nguyên vật liệu, nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ được tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ.
- Các khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra.
- Chi phí xây dựng, tự chế TSCĐ vượt trên mức bình thường không được tính vào nguyên giá TSCĐ hữu hình tự xây dựng, tự chế hoàn thành.
- Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

➤ Bên Có:

- Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã bán trong kỳ sang Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.
- Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính.
- Trị giá hàng bán bị trả lại nhập kho.

➤ Tài khoản 632 không có số dư cuối kỳ.*** Phương pháp hạch toán giá vốn hàng bán****✚ Kế toán giá vốn theo phương pháp kê khai thường xuyên**

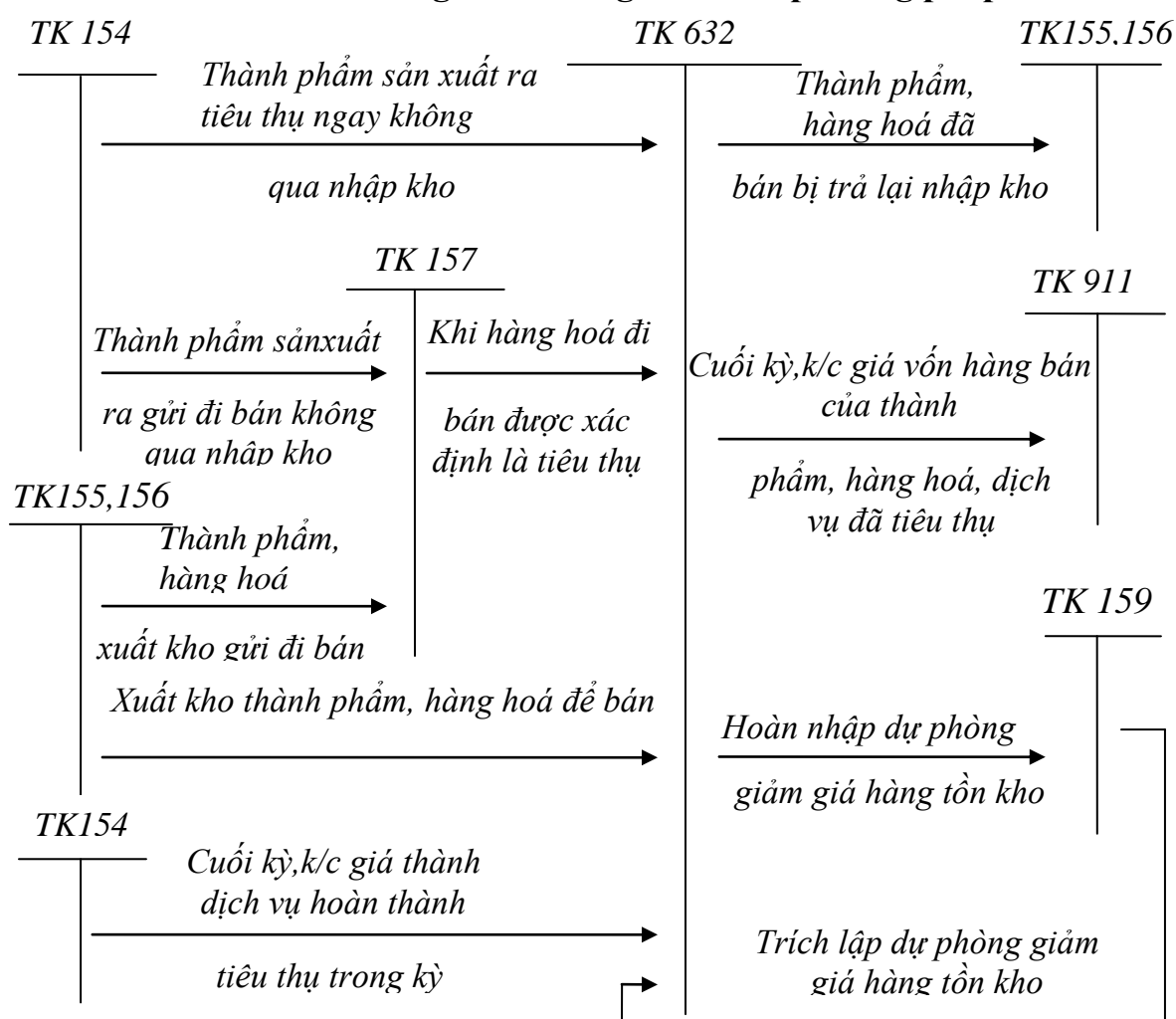
Phương pháp kê khai thường xuyên là phương pháp kế toán tổ chức ghi chép một cách thường xuyên liên tục các nghiệp vụ nhập kho, xuất kho, tồn kho của hàng hóa trên từng tài khoản kế toán theo từng chứng từ nhập xuất.

Trị giá vốn của hàng hóa tồn kho trên tài khoản, số kê toán được xác định ở bất kỳ thời điểm nào trong kỳ kế toán.

- Giá vốn hàng bán là giá gốc của hàng hóa hoặc thành phẩm nhập kho
- Toàn bộ chi phí sản xuất được phản ánh qua tài khoản 621, 622, 627.

Cuối kỳ kế toán thực hiện bút toán kết chuyển vào TK154 để xác định giá vốn hàng bán

*** Sơ đồ 1.3: Kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp KCTX**



Sơ đồ 1.3- Kế toán giá vốn hàng bán (theo phương pháp kê khai thường xuyên)

✚ Hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ

Phương pháp KKĐK là phương pháp kế toán không tổ chức ghi chép một cách thường xuyên, liên tục các nghiệp vụ nhập - xuất - tồn của hàng hóa trên các tài khoản hàng tồn kho. Phương pháp này phản ánh trị giá vốn thực tế của hàng hóa nhập kho, xuất kho hàng ngày được phản ánh theo dõi trên TK 611 – Mua hàng

Xác định trị giá vốn xuất kho không căn cứ vào chứng từ xuất kho, mà căn cứ vào kết quả kiểm kê cuối kỳ

$$\begin{matrix} \text{Số lượng hàng} & & \text{Số lượng hàng} & & \text{Số lượng hàng} & & \text{Số lượng hàng} \\ \text{xuất kho} & = & \text{tồn đầu kỳ} & + & \text{nhập đầu kỳ} & - & \text{tồn cuối kỳ} \end{matrix}$$

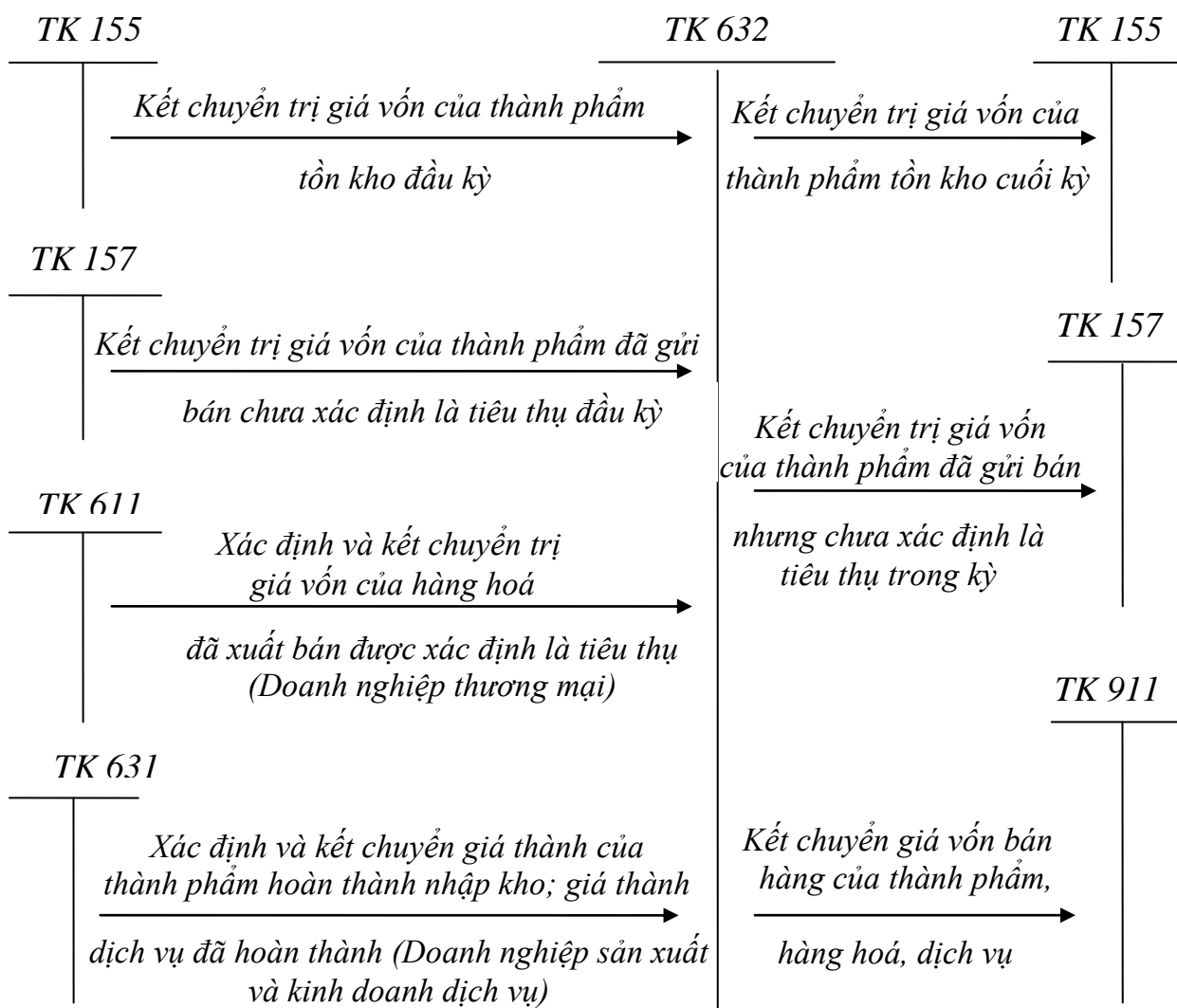
*Trị giá hàng xuất kho = Số lượng hàng xuất kho * Đơn giá hàng xuất kho*

Căn cứ vào đơn giá xuất kho theo phương pháp xác định giá vốn hàng xuất kho

Để xác định giá vốn thực tế của hàng xuất kho.

$$\begin{matrix} \text{Trị giá} & & \text{Trị giá} & & \text{Trị giá vốn} & & \text{Trị giá} & & \text{Trị giá vốn} & & \text{Trị giá vốn} \\ \text{vốn} & & \text{thực tế} & & \text{của hàng} & & \text{thực tế} & & \text{thực tế của} & & \text{thực tế của} \\ \text{của} & = & \text{của hàng} & + & \text{hóa gửi bán} & + & \text{của hàng} & - & \text{hàng hóa} & - & \text{hàng hóa} \\ \text{hàng} & & \text{hóa tồn} & & \text{chưa xác} & & \text{hóa nhập} & & \text{tồn kho} & & \text{gửi bán} \\ \text{bán} & & \text{kho đầu} & & \text{định tiêu thụ} & & \text{kho} & & \text{cuối kỳ} & & \text{chưa xác} \\ \text{trong} & & \text{kỳ} & & \text{đầu kỳ} & & \text{trong kỳ} & & & & \text{định tiêu thụ} \\ \text{kỳ} & & & & & & & & & & \text{cuối kỳ} \end{matrix}$$

Sơ đồ 1.4: Kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp KKĐK



Sơ đồ 1.4 - Kế toán giá vốn hàng bán (theo phương pháp kiểm kê định kỳ)

1.2.3. Kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

1.2.3.1. Kế toán chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng là toàn bộ các chi phí có liên quan đến việc tiêu thụ sản phẩm, hàng hoá của doanh nghiệp, bao gồm: Chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển; chi phí chào hàng, giới thiệu, quảng cáo; chi phí hoa hồng đại lý, chi phí bảo hành sản phẩm; chi phí nhân viên bán hàng; chi phí dụng cụ, đồ dùng, khấu hao TSCĐ phục vụ bán hàng; chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác.

* Chứng từ sử dụng.

- Hoá đơn GTGT, hoá đơn thông thường
- Bảng phân bổ nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ
- Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội
- Bảng tính và phân bổ khấu hao tài sản cố định
- Phiếu chi
- Các chứng từ khác có liên quan

* Tài khoản sử dụng.

❖ TK 641 – Chi phí bán hàng

Tài khoản này dùng để phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

➤ Bên Nợ:

- Các chi phí phát sinh liên quan đến quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

➤ Bên Có:

- Kết chuyển chi phí bán hàng vào Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh” để tính kết quả kinh doanh trong kỳ.

- TK641 không có số dư cuối kỳ

➤ Tài khoản 641 không có số dư cuối kỳ.

➤ Tài khoản 641 có 7 tài khoản cấp 2:

- TK 6411 - Chi phí nhân viên

- TK 6412 - Chi phí vật liệu, bao bì

- TK 6413 - Chi phí dụng cụ, đồ dùng

- TK 6414 - Chi phí khấu hao TSCĐ
- TK 6415 - Chi phí bảo hành
- TK 6417 - Chi phí dịch vụ mua ngoài
- TK 6418 - Chi phí bằng tiền khác

1.2.3.2. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

* Chứng từ sử dụng.

- Hoá đơn GTGT, hoá đơn thông thường
- Bảng phân bổ nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ
- Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội
- Bảng tính và phân bổ khấu hao tài sản cố định
- Phiếu chi
- Các chứng từ khác có liên quan

* Tài khoản sử dụng.

- ❖ TK 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp

Tài khoản này dùng để phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp.

➤ Bên Nợ:

- Các chi phí quản lý doanh nghiệp thực tế phát sinh trong kỳ.
- Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả.
- Dự phòng trợ cấp mất việc làm.

➤ Bên Có:

- Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả.
- Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào Tài khoản 911 “Xác định kết

quả kinh doanh”.

➤ Tài khoản 642 không có số dư cuối kỳ.

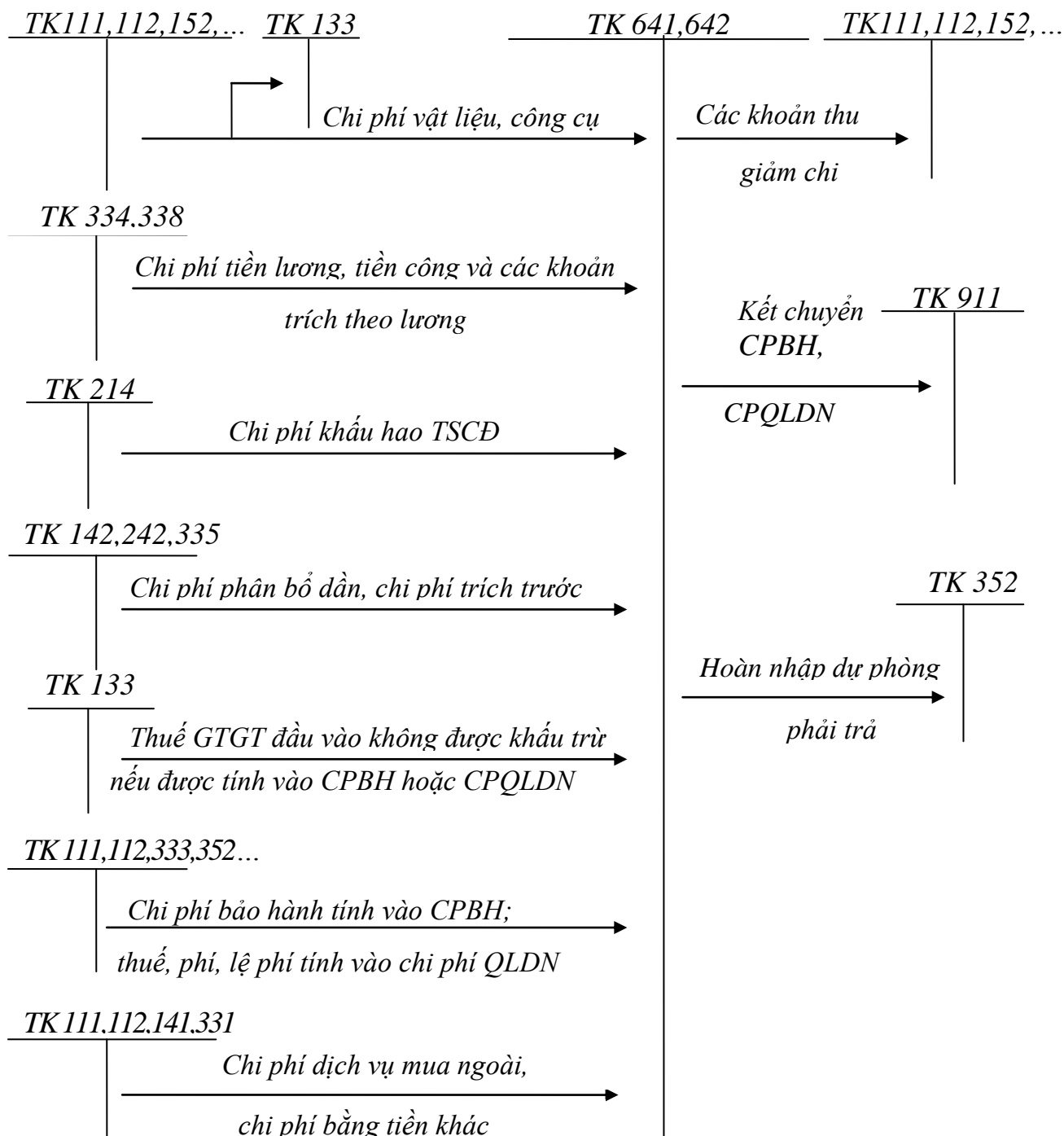
➤ Tài khoản 642 có 8 tài khoản cấp 2:

- TK 6421 - Chi phí nhân viên quản lý
- TK 6422 - Chi phí vật liệu quản lý
- TK 6423 - Chi phí đồ dùng văn phòng
- TK 6424 - Chi phí khấu hao TSCĐ
- TK 6425 - Thuế, phí và lệ phí
- TK 6426 - Chi phí dự phòng

- TK 6427 - Chi phí dịch vụ mua ngoài
- TK 6428 - Chi phí bằng tiền khác

1.2.3.3. Phương pháp hạch toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Phương pháp hạch toán chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp được khái quát bằng sơ đồ 1.5



Sơ đồ 1.5 - Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

1.2.4. Kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính

1.2.4.1. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính là toàn bộ các khoản thu nhập từ hoạt động tài chính được coi là thực hiện trong kỳ, không phân biệt các khoản thu nhập đó thực tế đã thu hay sẽ thu trong kỳ sau.

* Chứng từ sử dụng.

- Phiếu thu
- Giấy báo nợ của ngân hàng
- Phiếu kế toán
- Các chứng từ khác có liên quan

* Tài khoản sử dụng.

❖ TK 515 – Doanh thu tài chính

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

➤ Bên Nợ:

- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có).
- Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

➤ Bên Có:

- Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia.
- Lãi do nhượng bán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết.
- Chiết khấu thanh toán được hưởng.
- Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh.
- Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh khi bán ngoại tệ.
- Lãi tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh.
- Kết chuyển hoặc phân bổ lãi tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản (giai đoạn trước hoạt động) đã hoàn thành đầu tư vào hoạt động doanh thu tài chính.

- Doanh thu hoạt động tài chính khác phát sinh trong kỳ.

➤ Tài khoản 515 không có số dư cuối kỳ.

1.2.4.2. Kế toán chi phí hoạt động tài chính

Chi phí hoạt động tài chính là toàn bộ các khoản chi phí và khoản lỗ liên quan đến hoạt động tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán, các khoản dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán...

*** Chứng từ sử dụng.**

- Phiếu chi
- Giấy báo có của ngân hàng
- Phiếu kế toán
- Các chứng từ khác có liên quan

*** Tài khoản sử dụng.**

❖ TK 635 – Chi phí tài chính

Tài khoản này phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính.

➤ Bên Nợ:

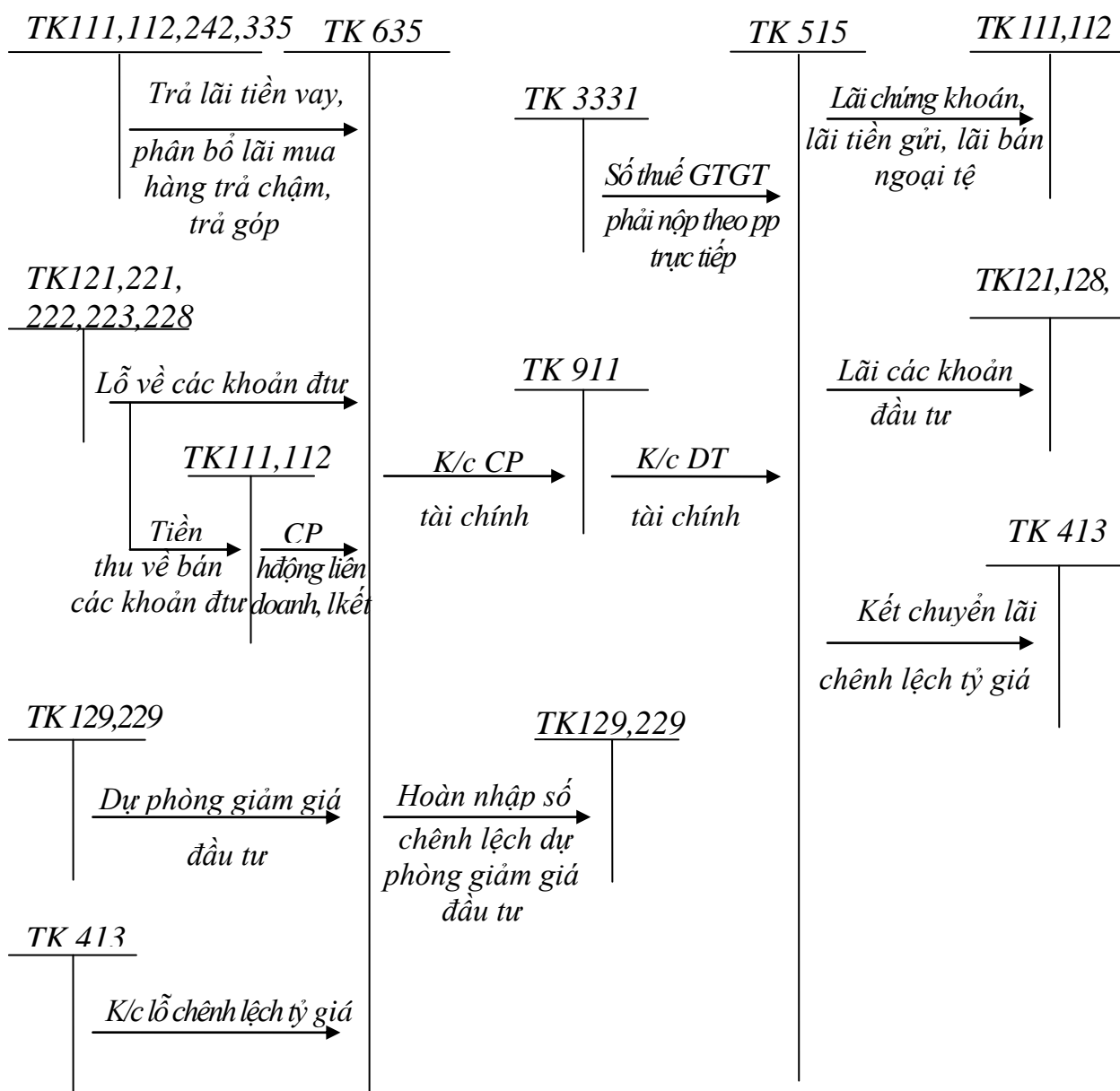
- Chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản tài chính.
 - Lỗ bán ngoại tệ.
 - Chiết khấu thanh toán cho người mua.
 - Các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư.
 - Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh.
 - Lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh.
 - Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.
 - Kết chuyển hoặc phân bổ chênh lệch tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư XDCB đã hoàn thành đầu tư vào chi phí tài chính.
 - Các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác.
- Bên Có:
- Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.

➤ Tài khoản 635 không có số dư cuối kỳ.

1.2.4.3. Phương pháp hạch toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính

Phương pháp hạch toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính được khái quát bằng sơ đồ 1.6



Sơ đồ 1.6 - Kế toán doanh thu tài chính và chi phí tài chính

1.2.5. Kế toán chi phí, thu nhập hoạt động khác

1.2.5.1. Kế toán thu nhập hoạt động khác

Thu nhập khác là những khoản thu mà doanh nghiệp không dự tính trước được hoặc có dự tính đến nhưng ít có khả năng thực hiện, hoặc là những khoản không mang tính chất thường xuyên.

Nội dung chi phí hoạt động tài chính bao gồm:

- Các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính.
- Chi phí cho vay và đi vay vốn.
- Chi phí góp vốn liên doanh.
- Lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán, ...
- Khoản nhập và hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán và đầu tư khác.
- Khoản lỗ về chênh lệch tỷ giá ngoại tệ và bán ngoại tệ, ...

*** Chứng từ sử dụng.**

- Phiếu thu
- Biên bản bàn giao, thanh lý tài sản cố định
- Phiếu kế toán
- Các chứng từ khác có liên quan

*** Tài khoản sử dụng.**

❖ TK 711 – Thu nhập khác

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động tạo ra doanh thu của doanh nghiệp.

➤ Bên Nợ:

- Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp.
- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

➤ Bên Có:

- Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ.

➤ Tài khoản 711 không có số dư cuối kỳ.

1.2.5.2. Kế toán chi phí hoạt động khác

Chi phí khác là các khoản chi phí của hoạt động khác ngoài hoạt động SXKD tạo ra doanh thu của doanh nghiệp.

Nội dung của chi phí khác phát sinh bao gồm:

- Chi phí thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý, nhượng bán (nếu có).
- Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế.
- Bị phạt thuế, truy nộp thuế.
- Các khoản chi phí do kế toán bị nhầm, hoặc bỏ sót khi ghi sổ kế toán.
- Các khoản chi phí khác.

* Chứng từ sử dụng.

- Phiếu chi
- Biên bản bàn giao, thanh lý tài sản cố định
- Phiếu kế toán
- Các chứng từ khác có liên quan

* Tài khoản sử dụng.

❖ TK 811 – Chi phí khác

Tài khoản này phản ánh những khoản chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của các doanh nghiệp.

➤ Bên Nợ:

- Các khoản chi phí khác phát sinh.

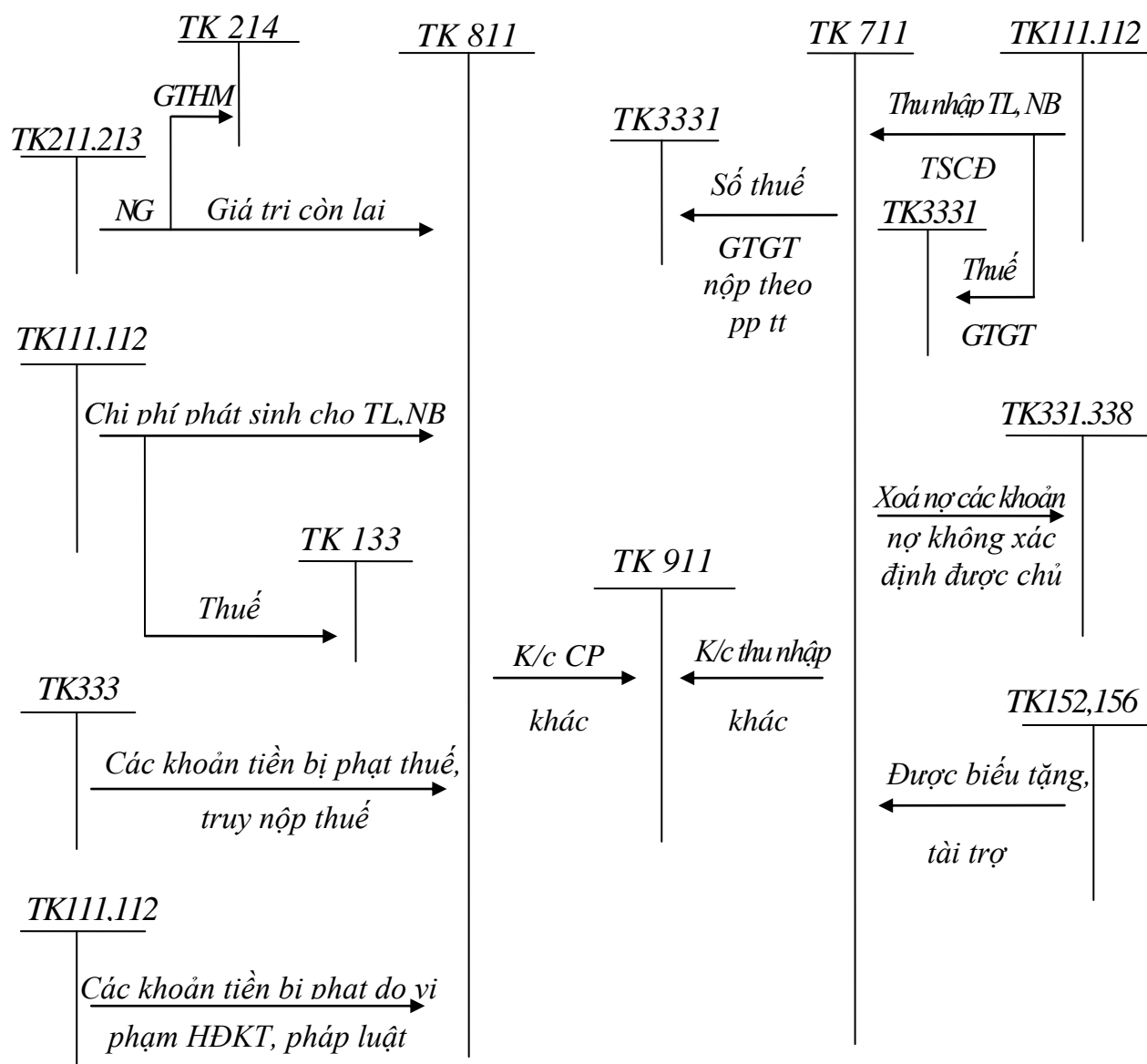
➤ Bên Có:

- Cuối kỳ, kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ vào Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

➤ Tài khoản 811 không có số dư cuối kỳ.

1.2.5.3. Phương pháp hạch toán thu nhập khác và chi phí hoạt động khác

Phương pháp hạch toán thu nhập khác và chi phí khác được khái quát bằng sơ đồ 1.7



Sơ đồ 1.7 - Kế toán thu nhập khác và chi phí khác

1.2.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh là kết quả cuối cùng của hoạt động tiêu thụ hàng hoá của doanh nghiệp sau một thời kỳ nhất định, biểu hiện bằng số tiền lãi hay lỗ.

Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm kết quả hoạt động kinh doanh thông thường và kết quả hoạt động khác.

Kết quả hoạt động kinh doanh thông thường là kết quả từ những hoạt động tạo ra doanh thu của doanh nghiệp. Đây là hoạt động bán hàng, cung cấp dịch vụ và hoạt động tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thông thường được xác định theo công thức:

$$\text{Lãi (lỗ) từ HĐ SXKD} = \text{DTT về bán hàng và cung cấp dịch vụ} - \text{Giá vốn hàng bán} + \text{Doanh thu HĐTC} - \text{Chi phí HĐTC} - \text{CPBH, CPQLDN tính cho hàng tiêu thụ trong kỳ}$$

Trong đó: DTT = tổng doanh thu bán hàng - các khoản giảm trừ.

Kết quả hoạt động khác là các kết quả từ hoạt động bất thường khác tạo ra doanh thu của doanh nghiệp, được tính bằng chênh lệch giữa thu nhập khác (sau khi đã trừ đi các khoản thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp nếu có) và chi phí khác.

$$\text{Lãi (lỗ) hoạt động khác} = \text{Thu nhập khác} - \text{chi phí khác}$$

Kết quả hoạt động của doanh nghiệp trong một thời kỳ có thể lãi hoặc lỗ. Nếu lỗ sẽ được xử lý bù đắp theo chế độ quy định của chế độ tài chính.

* Chứng từ sử dụng.

- Phiếu kế toán

* Tài khoản sử dụng.

❖ TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh

Tài khoản này dùng để xác định và phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán năm. Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: Kết quả hoạt động sản xuất, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác.

➤ Bên Nợ:

- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán.
- Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí khác.
- Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.
- Kết chuyển lãi.

➤ Bên Có:

- Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ.
- Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản ghi giảm chi phí thu nhập doanh nghiệp.
- Kết chuyển lỗ.

➤ Tài khoản 911 không có số dư cuối kỳ.

❖ TK 821 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Tài khoản này dùng để phản ánh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

➤ Bên Nợ:

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh trong năm.
- Ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

➤ Bên Có:

- Số thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành thực tế phải nộp trong năm.
- Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước.
- Kết chuyển chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp sang Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

➤ Tài khoản 821 không có số dư cuối kỳ.

➤ Tài khoản 821 có 2 tiểu khoản cấp 2:

- TK 8211 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành
- TK 8212 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

❖ TK 421 - Lợi nhuận chưa phân phối

Tài khoản này dùng để phản ánh kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của doanh nghiệp.

➤ Bên Nợ:

- Số lỗ về hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.
- Trích lập các quỹ của doanh nghiệp.
- Chia cổ tức, lợi nhuận cho các cổ đông, cho các nhà đầu tư, các bên tham gia liên doanh.

- Bổ sung nguồn vốn kinh doanh.
- Nộp lợi nhuận lên cấp trên.

➤ Bên Có:

- Số lợi nhuận thực tế của hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ.
- Số lợi nhuận cấp dưới nộp lên, số lỗ của cấp dưới được cấp trên cấp bù.
- Xử lý các khoản lỗ về hoạt động kinh doanh.

➤ Số dư bên Nợ là số lỗ hoạt động kinh doanh chưa xử lý.

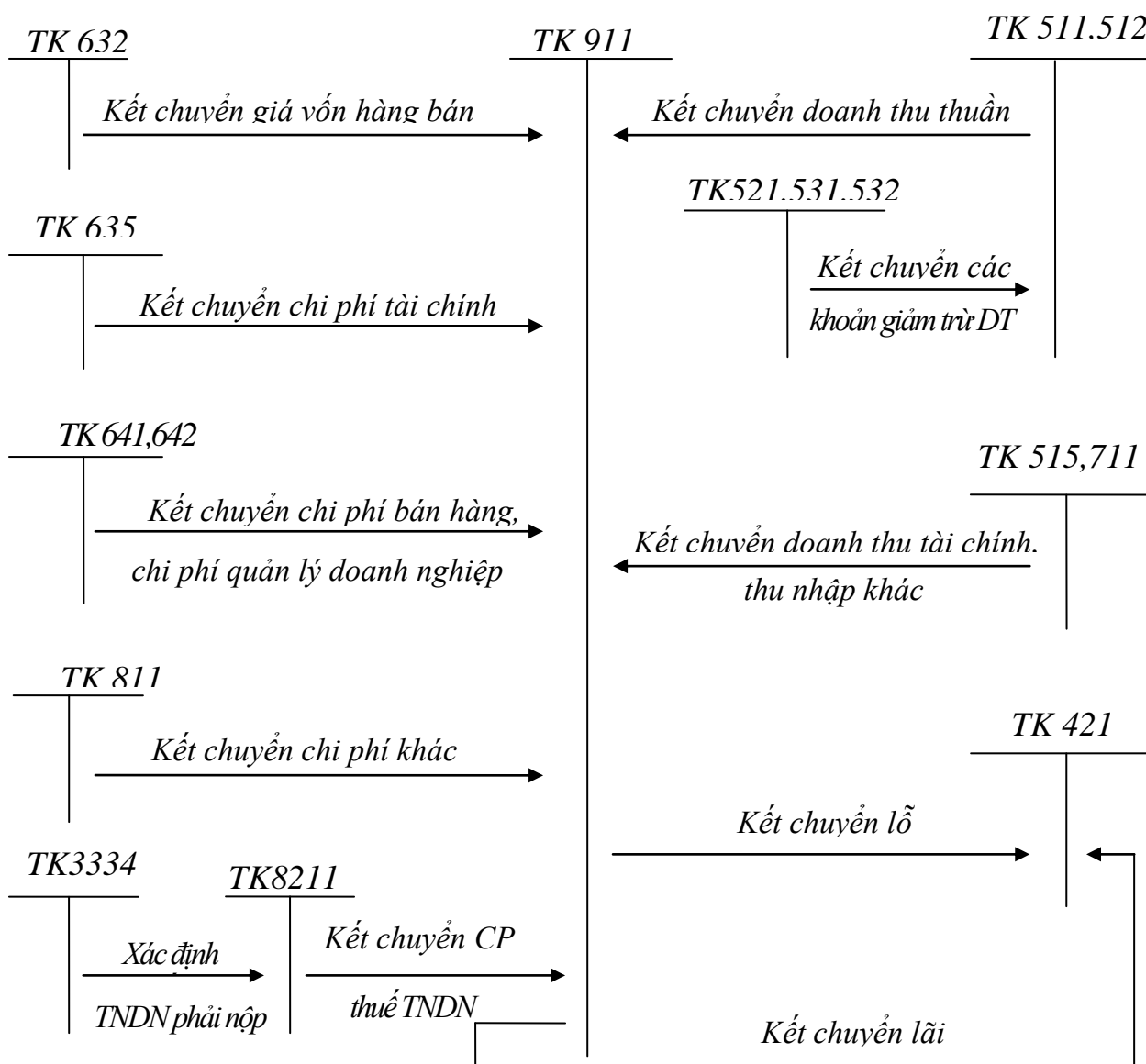
➤ Số dư bên Có là số lợi nhuận chưa phân phối hoặc chưa sử dụng.

➤ Tài khoản 421 có 2 tiểu khoản cấp 2:

- TK 4211 - Lợi nhuận chưa phân phối năm trước
- TK 4212 - Lợi nhuận chưa phân phối năm nay

*** Phương pháp hạch toán.**

Phương pháp hạch toán xác định kết quả kinh doanh được khái quát bằng sơ đồ 1.8



Sơ đồ 1.8 - Kế toán xác định kết quả kinh doanh

1.3. Tổ chức vận dụng hệ thống sổ sách kế toán vào tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

Tất cả các doanh nghiệp thuộc mọi loại hình, mọi lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh và mọi thành phần kinh tế căn cứ vào quy mô, khối lượng công việc kế toán, số lượng và trình độ chuyên môn của người làm công tác kế toán để lựa chọn một hình thức kế toán phù hợp cho doanh nghiệp mình. Theo quyết định

số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính thay thế Quyết định số 1141TC/QĐ/CĐKT ngày 01-11-1995 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành “ Chế độ kế toán doanh nghiệp” thì ta có các hình thức sổ kế toán như sau:

- Hình thức kế toán Nhật ký chung
- Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ
- Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ cái
- Hình thức kế toán Nhật ký - Chứng từ
- Hình thức kế toán trên máy vi tính.

a. Hình thức nhật ký chung

Hình thức Nhật ký chung bao gồm các loại sổ chủ yếu:

- Sổ Nhật ký chung, sổ Nhật ký đặc biệt
- Sổ cái
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết

b. Hình thức Nhật ký - Sổ cái

Hình thức này gồm các loại sổ :

- Nhật ký sổ cái
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết

c. Hình thức Nhật ký chứng từ

Hình thức này gồm các sổ :

- Nhật ký chứng từ, bảng kê
- Sổ cái
- Sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết

d. Hình thức Chứng từ ghi sổ

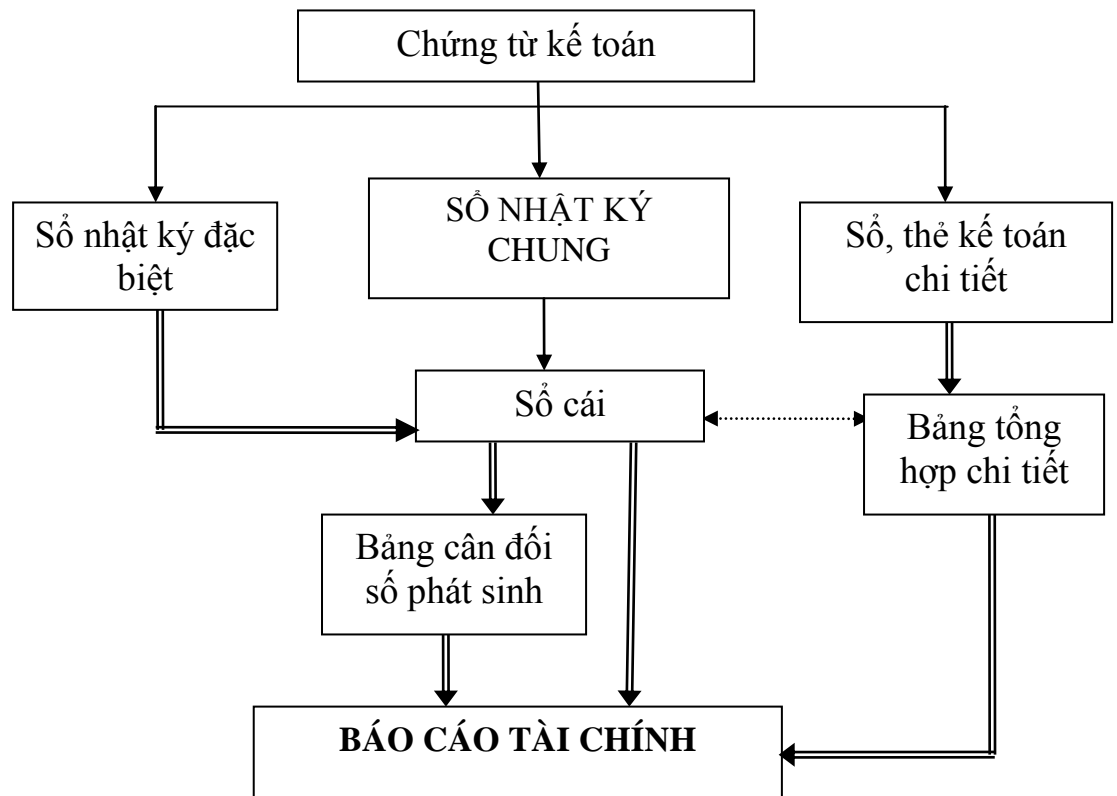
Hình thức này gồm các sổ :

- Chứng từ ghi sổ
- Sổ cái
- Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ
- Sổ và thẻ kế toán chi tiết

e. Hình thức kế toán trên máy vi tính

Hình thức sổ kế toán trên máy vi tính: Hình thức nào sẽ có loại sổ kế toán của hình thức kế toán đó nhưng không hoàn toàn giống mẫu sổ kế toán bằng tay.

Sau đây em xin trình bày khái quát sơ đồ hạch toán sổ kế toán theo hình thức Nhật Ký Chung:



Ghi chú:

Ghi hàng ngày \longrightarrow

Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ \Longrightarrow

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra \longleftrightarrow

CHƯƠNG II.

THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP THIÊN PHÚ

2.1. Khái quát chung về công ty cổ phần Thép Thiên Phú

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty.

Công ty được thành lập vào ngày 28 tháng 10 năm 2006 với giấy phép đăng ký kinh doanh số 0203005805 do sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hải Phòng cấp với tên gọi và trụ sở như sau:

- Tên công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP THIÊN PHÚ
- Tên công ty viết bằng tiếng Anh: THIEN PHU STEEL JOINT STOCK COMPANY
- Tên giao dịch viết tắt: TPS, JSC
- Trụ sở Công ty: Số 79, đường Hùng Vương, khu Kiến Thiết, phường Sở Dầu, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng
- Điện thoại: 0313540208 Fax: 0313540089
- Mã số thuế: 0201001451
- Số vốn điều lệ của công ty: 11.000.000.000 đồng
- Người đại diện theo pháp luật của công ty: Giám đốc Phạm Thị Thu

Công ty Cổ phần Thép Thiên Phú là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh, có tư cách pháp nhân, hạch toán độc lập, chịu sự quản lý của nhà nước về hoạt động kinh doanh thông qua sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hải Phòng. Công ty được sử dụng con dấu riêng và mở tài khoản riêng tại Ngân hàng Teccombank Hải Phòng, Ngân hàng Công Thương, Ngân hàng Thương mại Á Châu... Công ty tự chịu trách nhiệm về kết quả kinh doanh bảo toàn và phát triển vốn theo quy định của nhà nước. Công ty thực hiện chức năng kinh doanh theo điều lệ pháp luật Việt Nam và thông lệ quốc tế hiện hành với các ngành nghề đăng ký kinh doanh đã đăng ký :

- Kinh doanh các mặt hàng sắt thép, vật liệu xây dựng, máy móc thiết bị phụ tùng, phương tiện vận tải.
- Đầu tư kinh doanh bất động sản, xây dựng các công trình dân dụng.
- Dịch vụ vận tải hàng hoá đường thuỷ, đường bộ và dịch vụ du lịch.

Sau hơn 6 năm trưởng thành và phát triển, hiện nay công ty đã khẳng định được vị trí của mình trên thị trường và thu được nhiều thành tựu đáng kể. Ban đầu Công ty chỉ bán các mặt hàng cho các cửa hàng, đại lý bán lẻ trong địa bàn nội thành của thành phố với ít chủng loại hàng hóa, số lượng nhân lực hạn chế, nhưng đến nay Công ty đã có được một lượng khách hàng đông đảo và rộng khắp không chỉ trong nội thành mà còn ở nhiều huyện khác ở khu vực ngoại thành của thành phố như huyện Vĩnh Bảo, Tiên Lãng... Với phương châm uy tín chất lượng là kim chỉ nam của công ty nên chỉ sau hơn 6 năm hoạt động công ty đã tạo được niềm tin với người tiêu dùng, đạt được một thị phần tương đối lớn tại Hải Phòng.

Bên cạnh đó cùng với sự gia tăng của chủng loại hàng hoá và sự mở rộng của thị trường thì doanh thu, cơ sở vật chất của Công ty cũng ngày một tăng trưởng mạnh mẽ. Cho đến nay Công ty đã mở rộng cơ sở, mua sắm nhiều trang thiết bị hiện đại, xây thêm kho bãi, phương tiện vận tải mới phục vụ cho kinh doanh nhằm đưa Công ty phát triển mang lại hiệu quả cao trong kinh doanh, giúp công ty khẳng định được vị thế, đứng vững trên thị trường.

2.1.2. Đặc điểm sản xuất kinh doanh của Công ty.

Ngành nghề kinh doanh chính chủ lực của Công ty đó là kinh doanh mua bán sắt, thép, vật liệu xây dựng. Tất cả các mặt hàng của công ty như thép tròn cuộn, thép ống vuông, thép thanh vằn... đều là những mặt hàng có chất lượng cao được sản xuất theo quy trình hiện đại, đã được người tiêu dùng lựa chọn và ưa thích, có tính cạnh tranh cao, khẳng định thương hiệu trên thị trường. Các sản phẩm Công ty luôn được kiểm tra về chất lượng, quy cách trước khi tiêu thụ, phân phối đến tay người tiêu dùng với một quy trình khép kín từ khâu lên đơn hàng, chọn mặt hàng chủ lực đủ tiêu chuẩn đến khâu vận chuyển hàng hóa từ kho của

nhà cung ứng về kho của công ty và được kiểm tra về chất lượng, số lượng, mẫu mã của hàng hóa.

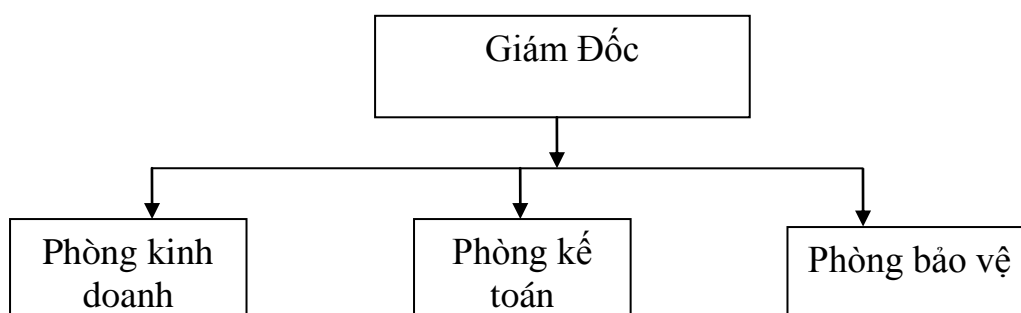
Vì là một Công ty chuyên sâu về kinh doanh mua bán sắt, thép, vật liệu xây dựng nên Công ty luôn chú trọng đến thị trường tiêu thụ. Chỉ sau hơn 6 năm đi vào hoạt động Công ty đã thiết lập được mạng lưới khách hàng rộng khắp với số lượng khách hàng lớn phủ khắp địa bàn huyện, thành phố Hải Phòng.

2.1.3. Cơ cấu, tổ chức bộ máy quản lý của công ty.

Công ty Cổ Phần Thép Thiên Phú được tổ chức và hoạt động tuân thủ theo luật doanh nghiệp, với bộ máy tổ chức tương đối gọn nhẹ và hoạt động khá hiệu quả.

Bộ máy quản lý của công ty được thiết kế theo mô hình này phát huy được tác dụng rõ ràng mối quan hệ quyền hạn giữa các bộ phận quản trị và cơ chế áp dụng trong môi trường với nhiều yếu tố bất ổn.

Mô hình tổ chức bộ máy quản lý của công ty gồm :



Sơ đồ 2.1 Tổ chức bộ máy quản lý của Công ty

Chức năng và nhiệm vụ của các phòng ban.

+ Giám đốc: là người trực tiếp quản lý cao nhất của công ty, là người đại diện pháp nhân của công ty trước pháp luật, chịu trách nhiệm trước nhà nước về các hoạt động của công ty và đại diện cho các quyền lợi của toàn bộ nhân viên trong công ty. Giám đốc đưa ra các đường lối, chính sách, phương hướng hoạt động của công ty. Giám đốc là người duy nhất ký duyệt mọi chứng từ chi tiêu phục vụ cho mọi hoạt động của Công ty và các quyết định chứng từ, khen thưởng bằng vật chất cho người lao động, hoặc khách hàng.

+ Phòng kinh doanh: có vai trò khá quan trọng trong Công ty, chịu sự chỉ đạo trực tiếp của giám đốc, có chức năng nghiên cứu và tìm kiếm thị trường, giới thiệu sản phẩm của công ty với các địa bàn kinh doanh nhằm bán được nhiều sản phẩm nhất, tối đa hoá thị trường tiêu thụ. Năm bắt mọi thông tin về thị trường, về đối thủ cạnh tranh căn cứ vào số liệu phòng kế toán cung cấp về lượng hàng hoá tiêu thụ đưa ra các kế hoạch ngắn hạn và dài hạn, chiến lược phát triển của Công ty ở từng thời điểm khác nhau nhằm đem lại hiệu quả cao trong kinh doanh.

+ Phòng kế toán: Chịu sự chỉ đạo của giám đốc Công ty, chính đội ngũ kế toán là cánh tay đắc lực cho sự cân nhắc hoạt động của công ty. Phản ánh, ghi chép các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh của công ty một cách đầy đủ, kịp thời, chính xác về sự biến động của nhân lực, vật tư tiền vốn, tính toán chi phí, kết quả lỗ lãi theo đúng quy định của chế độ kế toán thống kê của nhà nước.

Lập các kế hoạch tài chính ngắn hạn, trung hạn, dài hạn, theo dõi tình hình biến động tăng giảm tài sản lên kế hoạch sử dụng nguồn vốn một cách có hiệu quả.

Theo dõi toàn bộ các hoạt động liên quan tới doanh thu, chi phí, phân phối thu nhập trong Công ty và thực hiện nghĩa vụ ngân sách với Nhà nước.

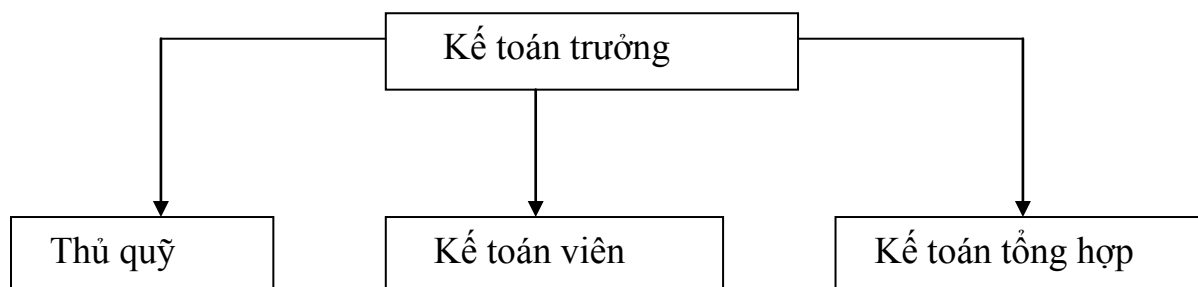
Thu nhập, phân loại xử lý tổng hợp số liệu thông tin về hoạt động kinh doanh của công ty nhằm cung cấp thông tin cần thiết cho giám đốc Công ty và phòng kinh doanh. Tổng hợp số liệu và lập báo cáo kế toán theo định kỳ báo cáo, thực hiện phân tích thông tin kế toán, cân đối lợi nhuận, đề xuất các biện pháp cho lãnh đạo công ty có đường lối phát triển đúng đắn, giúp giám đốc có quyết định kịp thời đạt hiệu quả cao nhất trong công tác điều hành và quản lý trong kinh doanh.

+ Phòng bảo vệ: Giúp giám đốc trong công tác bảo vệ, tổng hợp tình hình chung của Công ty về an ninh trật tự.

2.1.4. Tổ chức công tác kế toán tại công ty.

2.1.4.1. Tổ chức bộ máy kế toán

Bộ máy kế toán của Công ty được tổ chức theo mô hình tập trung.



Sơ đồ 2.2

Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán của công ty.

Trong đó:

- Kế toán trưởng: Phụ trách công tác kế toán chung cho Công ty, tổ chức hạch toán, xác định hình thức kế toán áp dụng cho đơn vị, cung cấp thông tin kinh tế giúp lãnh đạo về công tác chuyên môn, kiểm tra tài chính. Bên cạnh đó kế toán trưởng còn theo dõi các phần hành sau: theo dõi ngân hàng, nhà cung cấp, các khoản phải thu, theo dõi TSCĐ, kế toán tổng hợp, tập hợp chi phí của đơn vị, hạch toán kết quả kinh doanh, lập báo cáo tài chính, lập tờ khai thuế, tổ chức sử dụng và huy động vốn có hiệu quả nhất.

- Kế toán tổng hợp: Có trách nhiệm phụ trách bao quát tất cả các số liệu tiền lương, tiền mặt, TGNH và các khoản công nợ để có thể cung cấp một cách chính xác bất cứ lúc nào cho kế toán trưởng hay giám đốc.

- Kế toán viên: Có trách nhiệm phụ trách bao quát tất cả số liệu bán hàng, kế toán bán hàng, tiền lương, HH, tiền mặt, và các khoản công nợ phải thu phải trả để có thể cung cấp một cách chính xác bất cứ lúc nào cho kế toán trưởng hay giám đốc. Theo dõi tình hình nhập xuất tồn kho vật tư, hàng hoá về mặt số lượng và tiền. Xuất, nhập, bảo quản kho vật tư, hàng hóa theo quy định của công ty. Căn cứ vào các chứng từ như: Hoá đơn mua hàng, hoá đơn bán hàng, biên bản giao nhận hàng hoá, phiếu tạm ứng, bảng kê theo dõi công nợ... để thống kê, tổng

hợp số lượng hàng hoá, doanh thu bán hàng và các khoản thanh toán với nhà cung cấp, các khoản thanh toán của khách hàng với Công ty, các khoản khách hàng được hỗ trợ cũng như các khoản được hỗ trợ hoặc cần trừ từ Nhà cung cấp.

- Thủ quỹ: Xuất, nhập quỹ tiền mặt theo phiếu thu phiếu chi đã được phê duyệt, quản lý, bảo quản tiền mặt. Lập sổ quỹ và báo cáo quỹ hàng ngày, ghi chép liên tục các khoản thu chi quỹ tiền mặt và tính ra số tồn quỹ tại mọi thời điểm. Chịu trách nhiệm về số tồn quỹ trên sổ và số tồn quỹ thực tế.

2.1.4.2. Tổ chức vận dụng chế độ kế toán

- Công ty hiện đang áp dụng chế độ kế toán theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ban hành ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

- Kỳ kế toán năm (bắt đầu từ 01/01 đến hết 31/12 hàng năm)

- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam

- Đơn vị tính: đồng

- Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung. Căn cứ vào quy mô và đặc điểm kinh doanh Công ty áp dụng phương pháp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: ghi theo giá gốc, tính thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

- Đánh giá TSCĐ theo nguyên giá và giá trị còn lại của TSCĐ.

- Phương pháp tính giá hàng xuất kho: Nhập trước – xuất trước.

- Phương pháp trích lập và hoàn nhập các khoản dự phòng theo chế độ quản lý chế độ hiện hành.

2.1.4.3. Tổ chức vận dụng hệ thống sổ sách và hình thức kế toán tại công ty.

- Sổ kế toán tổng hợp: Sổ nhật ký chung, sổ cái các tài khoản.

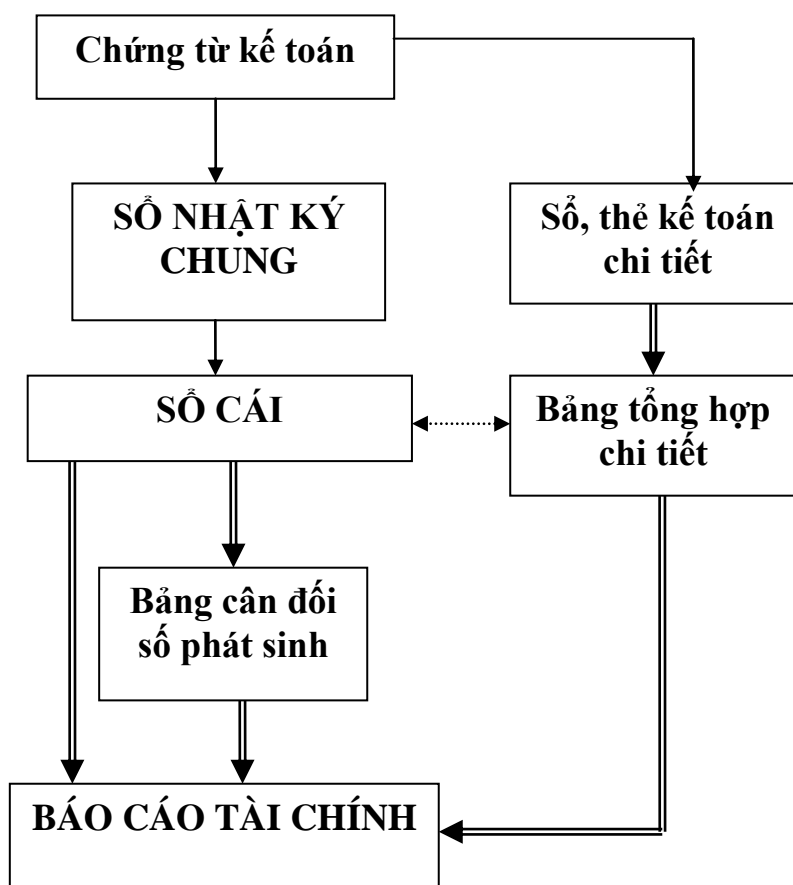
+ Sổ nhật ký chung: là loại sổ kế toán tổng hợp ghi theo các chứng từ phát sinh trong tháng, có tác dụng đối chiếu với các số liệu ghi ở sổ cái.

+ Sổ cái các tài khoản: là sổ kế toán tổng hợp ghi theo các tài khoản kế toán.

- Sổ chi tiết: sổ chi tiết hàng hóa...

- Hình thức kế toán tại công ty: Công ty áp dụng phương pháp kế toán theo hình thức Nhật ký chung để ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong niên độ.

TRÌNH TỰ KẾ TOÁN THEO HÌNH THỨC KẾ TOÁN NHẬT KÝ CHUNG

Sơ đồ 2.3

Ghi chú:

—————→ : Ghi hàng ngày

══════════→ : Ghi cuối kỳ

◄-----> : Đối chiếu

(1) Hàng ngày căn cứ vào chứng từ kế toán đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào Nhật ký chung, sau đó căn cứ vào số liệu ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi sổ Cái TK có liên quan. Trường hợp các hoạt động kế toán tài chính có liên quan đến đối tượng cần hoạch toán, đồng thời căn cứ vào các chứng từ gốc để ghi vào các sổ, thẻ kế toán chi tiết có liên quan.

(2) Cuối kỳ, kế toán căn cứ vào số liệu trên các sổ chi tiết lập bảng tổng hợp chi tiết. Trước khi lập bảng cân đối số phát sinh kế toán phải đối chiếu số liệu trên sổ cái với bảng tổng hợp chi tiết để kiểm tra tính chính xác của số liệu. Số liệu từ

bảng cân đối số phát sinh và bảng tổng hợp chi tiết sẽ được sử dụng để lập báo cáo tài chính.

2.1.4.4. Tổ chức lập và phân tích báo cáo tài chính.

Công ty tổ chức lập báo cáo tài chính theo năm. Hệ thống báo cáo tài chính của công ty bao gồm:

- | | |
|--|------------------|
| - Bảng cân đối kế toán | Mẫu số B 01 - DN |
| - Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh | Mẫu số B02 - DN |
| - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ | Mẫu số B03 - DN |
| - Bản thuyết minh báo cáo tài chính | Mẫu số B09 - DN |

Ngoài ra doanh nghiệp còn lập báo cáo thuế...

2.2. Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần Thép Thiên Phú

2.2.1. Kế toán doanh thu tại công ty Cổ phần Thép Thiên Phú

Ngành nghề kinh doanh chính chủ lực của Công ty đó là kinh doanh sắt, thép như thép tròn cuộn, thép ống vuông, thép thanh vằn....Tất cả các mặt hàng mà công ty kinh doanh đều là những mặt hàng có chất lượng cao được sản xuất theo quy trình hiện đại, đã được người tiêu dùng lựa chọn và ưa thích, có tính cạnh tranh cao, khẳng định thương hiệu trên thị trường.

Tuy nhiên trong nền kinh tế thị trường như hiện nay đặc biệt là lĩnh vực xây dựng thì đây là những mặt hàng thiết yếu, có thị trường tiêu thụ cũng như khách hàng tiềm năng lớn nhưng cũng là những mặt hàng chịu sự tác động của nền kinh tế lớn.

2.2.1.1. Các phương thức bán hàng tại công ty

* Công ty áp dụng 2 phương thức bán hàng sau:

- Bán buôn: Bán trực tiếp cho các cơ quan, tổ chức, cửa hàng kinh doanh, hàng hóa được bán theo lô, hoặc bán theo khối lượng lớn. Hình thức bán buôn mà công ty áp dụng là hình thức bán buôn qua kho hoặc theo phương pháp giao hàng trực tiếp hay chuyển hàng theo đơn đặt hàng.

- Bán lẻ: Là phương thức bán hàng cho khách hàng theo giá bán lẻ tại các cửa hàng công ty. Công ty áp dụng hình thức bán lẻ trực tiếp.

* Phương thức thanh toán tại công ty:

- Thanh toán trực tiếp bằng tiền mặt
- Thanh toán bằng chuyển khoản.
- Thanh toán chậm: Việc giao hàng và thanh toán tiền hàng diễn ra vào khoảng thời gian nhất định tùy thuộc vào thỏa thuận giữa hai bên.

2.2.1.2. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại công ty.

- **Chứng từ sử dụng:**

- Hoá đơn GTGT. Hoá đơn GTGT được lập thành 3 liên :

Liên 1: Lưu.

Liên 2: Giao cho khách hàng.

Liên 3: Dùng cho kế toán thanh toán.

Trên hoá đơn ghi đầy đủ mã số thuế, tên khách hàng, địa chỉ khách hàng, thanh toán ngay hay công nợ, hình thức thanh toán và đầy đủ chữ ký.

Khi khách hàng mua hàng của công ty thì nhân viên bán hàng sẽ viết hóa đơn GTGT cho người mua. Hoá đơn GTGT được lập thành 3 liên, đặt giấy than viết 1 lần. Liên 1 màu tím để lưu, liên 2 màu đỏ giao cho khách hàng, liên 3 màu xanh giao cho kế toán để hạch toán.

- Hợp đồng mua hàng
- Phiếu thu, giấy báo có của ngân hàng,.....
- Và các chứng từ khác liên quan

- **Tài khoản sử dụng:**

- TK 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Do công ty kinh doanh nhiều loại mặt hàng khác nhau nên TK 511 được mở riêng cho từng mặt hàng để tiện cho việc theo dõi và quản lý như:

TK 51111: Doanh thu bán thép thanh vằn

TK 51112: Doanh thu bán thép tròn cuộn

TK 51113: Doanh thu bán thép ống vuông

.....

Trong đó, mỗi mặt hàng lại được mở chi tiết để theo dõi tiếp:

TK 511111: Doanh thu bán thép thanh vằn D10

TK 511112: Doanh thu bán thép thanh vằn D 12

TK 511113: Doanh thu bán thép thanh vằn D16

TK 511114: Doanh thu bán thép thanh vằn D18

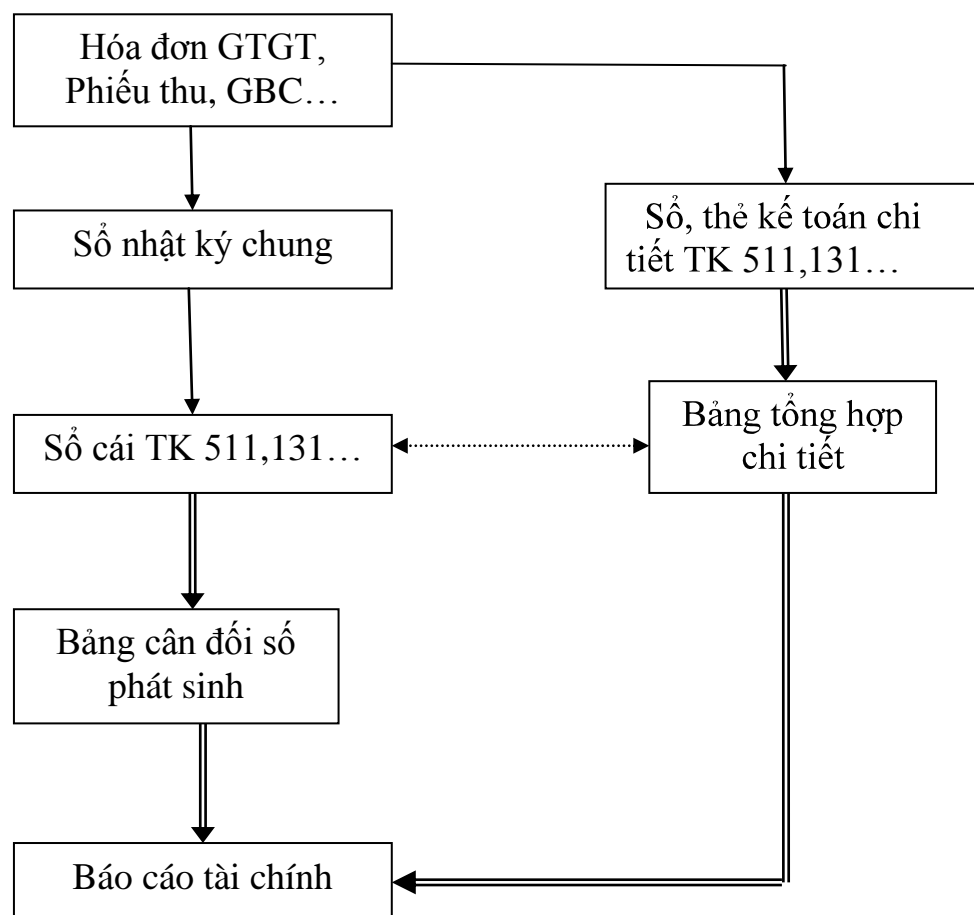
.....

- TK 111: tiền mặt
- TK 112: tiền gửi ngân hàng
- TK 131: phải thu khách hàng,

- **Hệ thống sổ sách sử dụng:**

- Sổ chi tiết bán hàng
- Sổ chi tiết TK131,..
- Bảng tổng hợp phải thu khách hàng
- Bảng tổng hợp doanh thu
- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái tài khoản: TK 131, TK511,...

Quy trình hạch toán : Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được thể hiện thông qua sơ đồ 2.4



Ghi chú:

Ghi hàng ngày \longrightarrow

Ghi cuối kỳ \Longrightarrow

Đối chiếu, kiểm tra \longleftrightarrow

Sơ đồ 2.4 – Quy trình hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty Cổ phần thép Thiên Phú

- Hàng ngày, căn cứ vào chứng từ gốc đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, kế toán ghi số liệu vào sổ Nhật ký chung. Sau đó căn cứ vào số liệu đã ghi trên Nhật ký chung để ghi vào sổ cái các tài khoản 511, 111, 131, ... Đồng thời từ các

ng nghiệp vụ phát sinh được ghi vào các sổ chi tiết TK511, 131.

- Cuối quý, cuối năm kế toán tổng hợp các số liệu từ Sổ cái để lập Bảng cân đối tài khoản, đồng thời cũng từ sổ chi tiết các tài khoản, kế toán lập bảng tổng hợp chi tiết (sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng số liệu ghi trên Sổ cái và Bảng tổng hợp chi tiết được lập từ các Sổ chi tiết) được dùng để lập Báo cáo tài chính.

Ví dụ 1: Ngày 11/12/2011, Công ty bán 9.670 kg thép thanh vằn D10 cho công ty TNHH Chính Hương, giá bán 15.500đ/ kg, thuế VAT 10%, khách hàng chậm thanh toán.

- Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 58376 (biểu số 2.1.1) và các chứng từ khác có liên quan, kế toán ghi vào sổ kế toán theo định khoản sau:

Nợ TK131: 164.873.500

Có TK511: 149.885.000

Có TK3331: 14.988.500

- Từ bút toán trên kế toán ghi vào sổ nhật ký chung (biểu số 2.1.2), đồng thời ghi vào sổ chi tiết TK511(biểu số 2.1.3), TK131(biểu số 2.1.4).

+ Từ nhật ký chung, kế toán ghi vào sổ cái TK511(biểu số 2.1.5), TK131,TK333

- Cuối kỳ, căn cứ vào sổ chi tiết TK511 lập bảng tổng hợp doanh thu bán hàng theo từng mặt hàng (biểu số 2.1.6), bảng tổng hợp doanh thu hàng bán ra (biểu số 2.1.7), sổ chi tiết TK131 lập bảng tổng hợp phải thu khách hàng (biểu số 2.1.8).

+ Từ sổ cái các tài khoản được sử dụng để lập bảng cân đối số phát sinh, số liệu từ bảng cân đối số phát sinh và bảng tổng hợp chi tiết sẽ được sử dụng lập BCTC.

Biểu 2.1.1**HOÁ ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG**

Liên 3: Nội bộ

Ngày 11 tháng 12 năm 2011

Mẫu số: 01GTKT3/001

AA/11P

0058376

Đơn vị bán hàng: Công ty CP Thép Thiên Phú

Địa chỉ: số 79 - Sở Dầu - Hồng Bàng – Hải Phòng

Số tài khoản:.....

Điện thoại:0313540208.....MST: 0201001451

Họ tên người mua hàng: Nguyễn Minh Ngọc

Tên đơn vị: Công ty TNHH Chính Hương

Địa chỉ: Số 571 – Trường Chinh – Kiến An- Hải Phòng

Số tài khoản:.....

Hình thức thanh toán:MST: 020037373471

STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Thép thanh vằn D10	kg	9.670	15.500	149.885.000
Cộng tiền hàng					149.885.000
	Thuế suất GTGT 10%	Tiền thuế GTGT			14.988.500
Tổng cộng tiền thanh toán					164.873.500

Số tiền viết bằng chữ: Một trăm sáu mươi bốn triệu tám trăm bảy mươi ba nghìn năm trăm đồng chẵn.

Người mua hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Biểu 2.1.2

CÔNG TY CP THÉP THIÊN PHÚ

Mẫu số S03a-DN

Số 79-Sở Dầu-Hồng Bàng- Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Từ ngày 1/10/2011 đến ngày 31/12/2011

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SH TK	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
.....	
09/12	PX 152/12	09/12	Bán thép ống vuông cho cty xây dựng Bình Minh	632 156	78.692.250	78.692.250
09/12	PT 189/12	09/12	Doanh thu bán hàng	111 5111 3331	87.703.000	79.730.000 7.973.000
10/12	PT 190/12	10/12	Thu tiền khách hàng	111 131	57.500.000	57.500.000
11/12	PX153/12	11/12	X/kho thép tròn cuộn bán cho chị Mai	632 156	25.916.000	25.916.000
11/12	PT 191/12	11/12	Doanh thu bán thép cuộn tròn cho chị Mai	111 511 3331	29.243.280	26.584.800 2.658.480
			
11/12	PX 162/12	10/12	X/kho thép thanh vằn bán cho cty TNHH Chính Hương	632 156	147.951.000	147.951.000
11/12	HD0058376	11/12	Doanh thu bán thép thanh vằn cho cty TNHH Chính Hương	131 511 3331	164.873.500	149.885.000 14.988.500
.....			
			Cộng		202.982.559.000	202.982.559.000

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 2.1.3

CÔNG TY CP THÉP THIÊN PHÚ

Mẫu số S35-DN

Số 79-Sở Dầu-Hồng Bàng- Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

TK: 511 – 511111

Tên sản phẩm: Thép thanh vằn D10

Từ ngày 1/10/2011 đến ngày 31/12/2011

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Doanh thu				Các khoản tính trừ	
SH	NT			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền		Thuế	Khác (521, 531, 532)
						Nợ	Có		
.....				
HD51007	6/12	Bán cho cty Thịnh Hòa	112	1.358	15.200		20.641.600		
HD51016	6/12	Bán cho chị Hoa	111	5.798	15.400		89.289.200		
HD51028	7/12	Bán cho cty Mai Hòa	131	2.752	15.300		42.105.600		
HD51065	8/12	Bán cho cửa hàng 86	111	1.200	15.500		18.600.000		
HD58075	11/12	Bán cho chị Mai	111	1.672	15.900		26.584.800		
HD58376	11/12	Bán cho cty ChínhHương	131	9.670	15.500		149.885.000		
.....			
		Cộng				693.062.500	693.062.500		

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu 2.1.4

CÔNG TY CP THÉP THIÊN PHÚ
Số 79-Sở Dầu-Hồng Bàng- Hải Phòng

Mẫu số S13-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA (NGƯỜI BÁN)

Từ ngày 1/10/2011 đến ngày 31/12/2011

Tài khoản: 131

Đối tượng: Công ty TNHH Chính Hương

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số phát sinh		Số dư	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2	3	4
			Số dư đầu kỳ				394.795.590	
			Số phát sinh trong kỳ					
.....
1/12	HD50286	1/12	Cty TNHH Chính Hương mua 1.700 kg thép tròn cuộn	5111 3331	26.520.000 2.652.000		178.694.350 181.346.350	
.....
10/12	GBC26/No	10/12	Cty TNHH Chính Hương trả tiền	112		108.565.000	85.757.286	
11/12	HD58376	11/12	Cty TNHH Chính Hương mua 9.670 kg thép thanh vằn D10	5111 3331	149.885.000 14.988.500		145.921.358 152.439.539	
12/12	PT132/12	11/12	Cty TNHH Chính Hương trả tiền	111		45.050.000	127.439.539	
.....
			Cộng số phát sinh		613.496.260	575.350.000		
			Số dư cuối kỳ				432.941.850	

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu 2.1.5

CÔNG TY CP THÉP THIÊN PHÚ

Mẫu số S03b-DN

Số 79-Sở Dầu-Hồng Bàng-Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tên TK: Doanh thu bán hàng

Số hiệu TK: 511

Từ ngày 1/10/2011 đến ngày 31/12/2011

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	SHTK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
...			
27/11	GBC67/No	27/11	Bán thép ống vuông cho cty Phi Long	112		59.181.815
30/11	PT 187/11	30/11	Bán thép tròn cuộn cho bà Mai	111		27.727.260
30/11	GBC64/CT	30/11	Bán cho cty Toàn Thịnh thép thanh vằn	112		60.197.400
...			
11/12	HD58376	11/12	Bán thép thanh vằn D10 cho cty TNHH Chính Hương	131		149.885.000
...			
31/12	PKT80	31/12	Kết chuyển doanh thu quý IV	911	14.706.443.250	
			Cộng số phát sinh		14.706.443.250	14.706.443.250

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 2.1.6

**BẢNG TỔNG HỢP DOANH THU BÁN HÀNG
THEO TỪNG MẶT HÀNG**

Thép thanh vằn – TK51111

Từ ngày 1/10/2011 đến ngày 31/12/2011

Đơn vị tính: VNĐ

STT	SHTK	Tên sản phẩm	Số tiền		Ghi chú
			Nợ	Có	
1	511111	Thép thanh vằn D10	693.062.500	693.062.500	
2	511112	Thép thanh vằn D12	534.987.965	534.987.965	
3	511113	Thép thanh vằn D16	429.459.087	429.459.087	
4	511114	Thép thanh vằn D18	384.845.780	384.845.780	
5	511115	Thép thanh vằn D19	326.564.985	326.564.985	
.....		
		Cộng	3.203.572.275	3.203.572.275	

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

*Biểu 2.1.7***BẢNG TỔNG HỢP DOANH THU BÁN HÀNG**

Từ ngày 1/10/2011 đến ngày 31/12/2011

Đơn vị tính: VNĐ

STT	SHTK chi tiết	Tên sản phẩm	Số tiền		Ghi chú
			Nợ	Có	
1	51111	Thép thanh vằn	3.203.572.275	3.203.572.275	
2	51112	Thép tròn cuộn	2.234.987.965	2.234.987.965	
3	51113	Thép ống vuông	3.823.459.087	3.823.459.087	
4	51114	Thép ống tròn	2.714.845.781	2.714.845.781	
5	51115	Thép lá cán nguội	1.023.459.050	1.023.459.050	
.....		
		Cộng	14.706.443.250	14.706.443.250	

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi số
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu 2.1.8

CÔNG TY CP THÉP THIÊN PHÚ

Số 79-Sở Dầu-Hồng Bàng- Hải Phòng

SỔ TỔNG HỢP THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA

Từ ngày 1/10/2011 đến ngày 31/12/2011

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Tên khách hàng	Số dư đầu kỳ		Số phát sinh		Số dư cuối kỳ	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
1	Cửa hàng Thanh Thủy	161.247.537		376.942.537	299.800.505	238.389.569	
2	Cty TNHH Hoàng Anh	286.977.688		491.867.320	189.090.500	589.754.508	
3	Cty CP Trung Dũng	492.789.905		774.386.971	597.640.000	669.536.876	
4	Cty TNHH Chính Hương	394.795.590		613.496.260	575.350.000	432.941.850	
...	
	Cộng	2.694.305.200	319.400.000	9.147.964.600	8.759.650.000	3.005.219.000	242.000.000

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán

* Nội dung giá vốn của công ty

Công ty cổ phần Thép Thiên Phú là công ty kinh doanh các sản phẩm dịch vụ, công ty không có quy trình tập hợp chi phí để tính giá thành, không có chi phí bán hàng

+ Giá vốn hàng bán là giá đã bao gồm giá mua toàn bộ giá mua và chi phí có liên quan đến thu mua.

+ Giá vốn của hàng bán được xác định theo phương pháp nhập trước - xuất trước. Theo phương pháp này dựa trên giá định hàng nào nhập trước sẽ được xuất trước và lấy đơn giá xuất bằng đơn giá nhập. Trị giá hàng tồn kho cuối kỳ được tính theo đơn giá của những lần nhập sau cùng. Công ty áp dụng phương pháp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Trị giá hàng} & & \text{Trị giá hàng} & & \text{Trị giá hàng} & & \text{Trị giá hàng} \\ \text{tồn cuối kỳ} & = & \text{tồn đầu kỳ} & + & \text{nhập trong kỳ} & - & \text{xuất trong kỳ} \end{array}$$

- Chi phí vận chuyển được phân bổ cho hàng bán ra cuối kỳ

* Chứng từ và tài khoản sử dụng.

❖ Chứng từ sử dụng

- Phiếu nhập kho, xuất kho
- HĐ GTGT, phiếu thu, chi

❖ Tài khoản sử dụng

- TK 632 – Giá vốn hàng bán

Để thuận tiện cho việc theo dõi sự biến động của giá vốn các loại hàng hóa, kế toán theo dõi và ghi chép các loại giá vốn trên các TK chi tiết như sau:

63211: Giá vốn thép thanh vằn

63212: Giá vốn thép tròn cuộn

63213: Giá vốn thép ống vuông...

* Quy trình hạch toán

- Hàng ngày, căn cứ vào chứng từ gốc đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, kế toán ghi số liệu vào sổ Nhật ký chung. Sau đó căn cứ vào số liệu đã ghi trên

Nhật ký chung để ghi vào sổ cái các tài khoản 156, 632, ... Đồng thời từ các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào các sổ chi tiết 156, 632.

- Cuối quý, cuối năm kế toán tổng hợp các số liệu từ Sổ cái để lập Bảng cân đối tài khoản, đồng thời cũng từ sổ chi tiết các tài khoản, kế toán lập bảng tổng hợp chi tiết (sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng số liệu ghi trên Sổ cái và Bảng tổng hợp chi tiết được lập từ các Sổ chi tiết) được dùng để lập Báo cáo tài chính.

Ví dụ: Ngày 11/12/2011 xuất kho bán cho công ty TNHH Chính Hương 9.670 kg thép thanh vằn D10, công ty chậm thanh toán.

- Căn cứ vào phiếu xuất kho số 162/12 (biểu số 2.2.1) và các chứng từ khác có liên quan, kế toán ghi vào sổ kế toán theo định khoản sau:

Nợ TK632: 147.951.000

Có TK156: 147.951.000

- Từ bút toán trên kế toán ghi vào sổ nhật ký chung (biểu số 2.2.2), đồng thời ghi vào sổ chi tiết TK156, TK632 (biểu số 2.2.3).

+ Từ nhật ký chung, kế toán ghi vào sổ cái TK 632 (biểu số 2.2.4), TK156.

- Cuối kỳ, căn cứ vào sổ chi tiết TK632 lập bảng tổng hợp giá vốn hàng bán theo từng mặt hàng (biểu số 2.2.5), bảng tổng hợp giá vốn hàng bán ra (biểu số 2.2.6), từ sổ chi tiết TK156 lập bảng tổng hợp nhập xuất tồn.

+ Từ sổ cái các tài khoản được sử dụng để lập bảng cân đối số phát sinh, số liệu từ bảng cân đối số phát sinh và bảng tổng hợp chi tiết sẽ được sử dụng lập BCTC.

Biểu 2.2.1

CÔNG TY CP THÉP THIÊN PHÚ

Mẫu số 02-VT

Số 79-Sở Dầu-Hồng Bàng-Hải Phòng (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)**PHIẾU XUẤT KHO**

Ngày 11/12/2011

Số CT: 162/12

Nợ TK 632

Có TK 156

Họ và tên người nhận: Đỗ Tiến Mạnh

Lý do xuất kho: Xuất bán hàng hóa cho công ty TNHH Chính Hương

Xuất tại kho: Số 1

Địa điểm: Số 571- Trường Chinh – Hải Phòng

STT	Tên nhãn, quy cách phẩm chất sản phẩm, hàng hoá	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo chứng từ	Thực xuất		
1	Thép thanh vằn D10	TX500	Kg	9.670	9.670	15.300	147.951.000
	Cộng						147.951.000

Cộng số tiền (viết bằng chữ): Một trăm bốn mươi bảy triệu chín trăm năm mươi một nghìn đồng chẵn.

Kèm theo: 01 Chứng từ gốc

Ngày 11 tháng 12 năm 2011

Người lập phiếu (ký, họ tên)	Người nhận hàng (ký, họ tên)	Thủ kho (ký, họ tên)	Kế toán trưởng (ký, họ tên)	Giám đốc (ký, họ tên)
---------------------------------	---------------------------------	-------------------------	--------------------------------	--------------------------

Biểu 2.2.2

CÔNG TY CP THÉP THIÊN PHÚ

Mẫu số S03a-DN

Số 79-Sở Dầu-Hồng Bàng-Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Từ ngày 1/10/2011 đến ngày 31/12/2011

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SH TK	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
.....
09/12	PX 152/12	09/12	Bán thép ống vuông cho cty xây dựng Bình Minh	632 156	78.692.250	78.692.250
09/12	PT 189/12	09/12	Doanh thu bán hàng	111 5111 3331	87.703.000	79.730.000 7.973.000
10/12	PT 190/12	10/12	Thu tiền khách hàng	111 131	57.500.000	57.500.000
11/12	PX153/12	11/12	X/kho thép tròn cuộn bán cho chị Mai	632 156	25.916.000	25.916.000
11/12	PT 191/12	11/12	Doanh thu bán thép cuộn tròn cho chị Mai	111 511 3331	29.243.280	26.584.800 2.658.480
			
11/12	PX 162/12	11/12	X/kho thép thanh vằn bán cho cty TNHH Chính Hương	632 156	147.951.000	147.951.000
11/12	HĐ0058376	11/12	Doanh thu bán thép thanh vằn cho cty TNHH Chính Hương	131 511 3331	164.873.500	149.885.000 14.988.500
.....			
			Cộng		202.982.559.000	202.982.559.000

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 2.2.3

CÔNG TY CP THÉP THIÊN PHÚ
Số 79-Sở Dầu-Hồng Bàng-Hải Phòng

Mẫu số S35-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT GIÁ VỐN HÀNG BÁN

TK: 632 – 632111

Tên sản phẩm: Thép thanh vằn D10
Từ ngày 1/10/2011 đến ngày 31/12/2011

Đơn vị tính: VNĐ

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Giá vốn hàng bán			
SH	NT			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	
						Nợ	Có
.....		
PX97/12	6/12	Bán cho cty Thịnh Hòa	112	1.358	14.900	20.234.200	
PX98/12	6/12	Bán cho chị Hoa	111	5.798	15.100	87.549.800	
PX102/12	7/12	Bán cho cty Mai Hòa	131	2.752	15.200	41.830.400	
PX107/12	8/12	Bán cho cửa hàng 86	111	1.200	15.300	18.360.000	
PX153/12	11/12	Bán cho chị Mai	111	1.672	15.500	25.916.000	
PX162/12	11/12	Bán cho cty Chính Hương	131	9.670	15.300	147.951.000	
.....						
		Cộng				579.975.650	579.975.650

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu 2.2.4

CÔNG TY CP THÉP THIÊN PHÚ

Mẫu số S03b-DN

Số 79-Sở Dầu-Hồng Bàng-Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Từ ngày 1/10/2011 đến ngày 31/12/2011

Tên TK: Giá vốn hàng bán

Số hiệu TK: 632

Đơn vị tính: VNĐ

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SH TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
...		
3/12	PX79/12	3/12	Bán thép thanh vằn D18	156	29.978.800	
3/12	PX82/12	3/12	Bán thép tròn cuộn cho anh Phong	156	19.266.000	
...		
5/12	PX119/12	5/12	X/kho thép ống vuông bán cho chị Ly	156	38.640.320	
11/12	PX162/12	11/12	X/kho thép thanh vằn D10 bán cho cty Chính Hương	156	147.951.000	
11/12	PX175/12	11/12	X/kho thép tròn cuộn bán cho chị Thủy	156	24.804.000	
	
31/12	PKT 86	31/12	Kết chuyển giá vốn quý IV	911		12.487.364.760
			Cộng số phát sinh		12.487.364.760	12.487.364.760

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 2.2.5**BẢNG TỔNG HỢP GIÁ VỐN HÀNG BÁN
THEO TỪNG MẶT HÀNG****Thép thanh vằn – TK63211**

Từ ngày 1/10/2011 đến ngày 31/12/2011

Đơn vị tính: VNĐ

STT	SHTK	Tên sản phẩm	Số tiền		Ghi chú
			Nợ	Có	
1	632111	Thép thanh vằn D10	579.975.650	579.975.650	
2	632112	Thép thanh vằn D12	435.870.602	435.870.602	
3	632113	Thép thanh vằn D16	340.252.050	340.252.050	
4	632114	Thép thanh vằn D18	265.806.530	265.806.530	
5	632115	Thép thanh vằn D19	201.413.260	201.413.260	
.....		
		Cộng	2.486.597.650	2.486.597.650	

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu 2.2.6**BẢNG TỔNG HỢP GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

Từ ngày 1/10/2011 đến ngày 31/12/2011

Đơn vị tính: VNĐ

STT	SHTK chi tiết	Tên sản phẩm	Số tiền		Ghi chú
			Nợ	Có	
1	63211	Thép thanh vằn	2.486.597.650	2.486.597.650	
2	63212	Thép tròn cuộn	1.768.987.065	1.768.987.065	
3	63213	Thép ống vuông	2.695.406.213	2.695.406.213	
4	63214	Thép ống tròn	2.014.905.100	2.014.905.100	
5	63215	Thép lá cán nguội	902.415.612	902.415.612	
.....		
		Cộng	12.487.364.760	12.487.364.760	

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

2.2.3. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp*** Nội dung của chi phí quản lý doanh nghiệp.**

Chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ chi phí phục vụ cho việc quản lý điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty. Chi phí quản lý doanh nghiệp dù cao hay thấp đều có ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Vì vậy, Công ty phải giảm thiểu chi phí quản lý doanh nghiệp để góp phần làm tăng lợi nhuận.

*** Chứng từ và tài khoản sử dụng.***** Chứng từ sử dụng.**

- Hoá đơn GTGT, hoá đơn bán hàng thông thường

- Bảng phân bổ khấu hao TSCĐ
- Phiếu chi
- Giấy báo nợ của Ngân hàng
- Các chứng từ khác có liên quan

*** Tài khoản sử dụng.**

- TK 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp
- Các TK khác có liên quan: TK111, TK112, ...

*** Quy trình hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp**

- Hàng ngày, căn cứ vào chứng từ gốc đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, kế toán ghi số liệu vào sổ Nhật ký chung. Sau đó căn cứ vào số liệu đã ghi trên Nhật ký chung để ghi vào sổ cái các tài khoản 642, ...

- Cuối quý, cuối năm kế toán tổng hợp các số liệu từ Sổ cái các TK 642,... làm căn cứ để lập bảng cân đối số phát sinh. Từ bảng cân đối số phát sinh ta lập ra BCTC.

Ví dụ: Ngày 21/12/2011 phát sinh nghiệp vụ tiếp khách phục vụ cho quản lý doanh nghiệp.

- Căn cứ vào hóa đơn GTGT (biểu số 2.3.1) và các chứng từ khác có liên quan như phiếu chi (biểu số 2.3.2), kế toán ghi vào sổ kế toán theo định khoản sau:

Nợ TK642: 3.250.000

Nợ TK133: 325.000

Có TK111: 3.575.000

- Từ bút toán trên kế toán ghi vào sổ nhật ký chung (biểu số 2.3.3).
- + Từ nhật ký chung, kế toán ghi vào sổ cái TK 642 (biểu số 2.3.4).
- Cuối kỳ, từ sổ cái các tài khoản được sử dụng để lập bảng cân đối số phát sinh, số liệu từ bảng cân đối số phát sinh và bảng tổng hợp chi tiết sẽ được sử dụng lập BCTC

Biểu 2.3.1

HOÁ ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG
 Liên 2: Giao khách hàng
 Ngày 21 tháng 12 năm 2011

Mẫu số: 01GTKT3/001
 AA/11P
 0005892

Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH Việt Anh

Địa chỉ: Số - Sở Dầu – Hồng Bàng - Hải Phòng

Số tài khoản:.....

Điện thoại:0313685224.....MST: 0200373471

Họ tên người mua hàng: Ông Nguyễn Minh Ngọc

Tên đơn vị: Công ty CP Thép Thiên Phú

Địa chỉ: số 79 - Sở Dầu - Hồng Bàng – Hải Phòng

Số tài khoản:.....

Hình thức thanh toán: Tiền mặt MST: 0201001451

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Tiếp khách			3.250.000	3.250.000
Cộng tiền hàng					3.250.000
Thuế suất thuế GTGT 10% Tiền thuế GTGT					325.000
Tổng cộng tiền thanh toán					3.575.000

Số tiền viết bằng chữ: Ba triệu năm trăm bảy mươi năm nghìn đồng chẵn.

Người mua hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Biểu 2.3.2

CÔNG TY CP THÉP THIÊN PHÚ

Mẫu số 02 - TT

Số 79-Sở Dầu-Hồng Bàng-Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)**Phiếu Chi**

Quyển số: 05

Số: PC 98/12

Ngày 21 tháng 12 năm 2011

TK ghi nợ : 642,133

TK ghi có: 111

Họ tên người nhận tiền: ông Nguyễn Minh Ngọc

Địa chỉ: Phòng kinh doanh

Lý do chi: Thanh toán tiền tiếp khách

Số tiền: 3.575.000

Bằng chữ: Ba triệu năm trăm bảy mươi năm nghìn đồng chẵn.

Kèm theo ..01..... chứng từ gốc HĐ 0005892

Đã nhận đủ số tiền (Viết bằng chữ)): Ba triệu năm trăm bảy mươi năm nghìn đồng chẵn.

Ngày 21 tháng 12 năm 2011

Giám đốc	Kế toán trưởng	Người lập phiếu	Người nhận tiền	Thủ quỹ
(Ký, đóng dấu)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

Biểu 2.3.3

CÔNG TY CP THÉP THIÊN PHÚ

Mẫu số S03a-DN

Số 79-Sở Dầu-Hồng Bàng-Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày 1/10/2011 đến ngày 31/12/2011

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SHTK	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
.....
08/12	PT 185/12	08/12	Chi Hoa trả tiền hàng	111 131	18.906.500	18.906.500
08/12	PC39/12	08/12	Mua 1 bộ bàn ghế phục vụ văn phòng	642 133 111	1.058.000 105.800	1.163.800
08/12	PC42/12	08/12	Mua 1 bình lọc nước cho văn phòng kế toán	642 133 111	354.000 35.400	389.400
.....
20/12	PC89/12	20/12	Chi tiền mặt thanh toán tiền mua hàng	156 111	983.560.808	983.560.808
20/12	PXK197/12	20/12	Xuất bán thép tròn cuộn cho cửa hàng Minh Trang	632 156	50.297.500	50.297.500
20/12	PT237/12	20/12	Doanh thu bán hàng	111 5111 3331	56.755.050	51.595.500 5.159.550
21/12	PC98/12	21/12	Chi tiền tiếp khách phục vụ quản lý DN	642 133 111	3.250.000 325.000	3.575.000
.....
			Cộng		202.982.559.000	202.982.559.000

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 2.3.4

CÔNG TY CP THÉP THIÊN PHÚ

Mẫu số S03b-DN

Số 79-Sở Dầu-Hồng Bàng-Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tên TK: Chi phí quản lý doanh nghiệp

Số hiệu TK: 642

Từ ngày 1/10/2011 đến ngày 31/12/2011

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SH TKĐƯ	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày			Nợ	Có
					
06/12	GBN76/Đ	06/12	Chi tiền thuê cán bộ về đào tạo nâng cao tay nghề đội	112	20.000.000	
07/12	PC20/12	07/12	Các khoản chi phí phải trả khác T12/2011	338	53.186.499	
08/12	PC39/12	08/12	Mua 1 bộ bàn ghế phục vụ văn phòng	111	1.058.000	
.....		
21/12	PC98/12	21/12	Chi tiền tiếp khách phục vụ quản lý DN	111	3.250.000	
.....			
24/12	PC109/12	24/12	Chi tiền tiếp khách cho bộ phận quản lý	111	1.405.000	
.....			
31/12	PC 142/12	31/12	Thanh toán tiền lương cho nhân viên T12/2011	334	234.213.000	
31/12	PKT 81	31/12	K/c CPQLDN quý IV	911		1.663.784.206
			Cộng PS		1.663.784.206	1.663.784.206

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.4. Kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính

* Nội dung của doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính của Công ty chủ yếu phát sinh do lãi nhận được từ các khoản tiền gửi ngân hàng.

Chi phí tài chính phát sinh do phải trả tiền lãi cho các khoản nợ vay. Con số này chiếm tỷ trọng không nhiều trong tổng doanh thu hàng năm của doanh nghiệp.

* Chứng từ và tài khoản sử dụng.

❖ Chứng từ sử dụng.

- Giấy báo có, giấy báo nợ của Ngân hàng
- Sổ phụ của Ngân hàng
- Phiếu chi
- Các chứng từ khác có liên quan

❖ Tài khoản sử dụng.

- TK 515 – Doanh thu hoạt động tài chính
- TK 635 – Chi phí tài chính

* Quy trình hạch toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính

- Hàng ngày, căn cứ vào chứng từ gốc đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, kế toán ghi số liệu vào sổ Nhật ký chung. Sau đó căn cứ vào số liệu đã ghi trên Nhật ký chung để ghi vào sổ cái các tài khoản 515, 635, ...

- Cuối quý, cuối năm kế toán tổng hợp các số liệu từ Sổ cái các TK 515, 635, ... làm căn cứ để lập bảng cân đối số phát sinh. Từ bảng cân đối số phát sinh ta lập ra BCTC.

Ví dụ: Ngày 31/12/2011, công ty thu tiền lãi từ tiền gửi ngân hàng ACB

- Căn cứ vào GBC (biểu số 2.4.1) và các chứng từ khác có liên quan, kế toán ghi vào sổ kế toán theo định khoản sau:

Nợ TK112: 874.646

Có TK515: 874.646

Ngày 31/12/2011, công ty trả tiền lãi vay của ngân hàng ACB, số tiền 9.876.302

- Căn cứ vào GBN (biểu số 2.4.2) và các chứng từ khác có liên quan, kế toán

ghi vào sổ kế toán theo định khoản sau:

Nợ TK635: 9.876.302

Có TK112: 9.876.302

- Từ các bút toán trên kế toán ghi vào sổ nhật ký chung (biểu số 2.4.3).
 - + Từ nhật ký chung, kế toán ghi vào sổ cái TK 515 (biểu số 2.4.4), sổ cái TK 635 (biểu số 2.4.5).
- Cuối kỳ, từ sổ cái các tài khoản được sử dụng để lập bảng cân đối số phát sinh, số liệu từ bảng cân đối số phát sinh và bảng tổng hợp chi tiết sẽ được sử dụng lập BCTC.

Biểu 2.4.1

**NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI Á CHÂU
ASIA COMMERCIAL BANK**

GIẤY BÁO CÓ

Ngày 31/12/2011

Mã GDV: BATCH

Mã KH: 27764

Số GD: 136

Kính gửi: **CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP THIÊN PHÚ**

Hôm nay, chúng tôi xin báo đã ghi Có tài khoản của quý khách với nội dung sau

Số tài khoản ghi Có 27915238

Số tiền bằng số: **874.646**

Số tiền bằng chữ: TÁM TRĂM BẢY MƯƠI BỐN NGHÌN SÁU TRĂM BỐN MƯƠI SÁU ĐỒNG CHẴN.

Nội dung: # NHẬP LÃI KHÔNG KỲ HẠN #

GIAO DỊCH VIÊN

KIỂM SOÁT

Biểu 2.4.2

**NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI Á CHÂU
ASIA COMMERCIAL BANK**

GIẤY BÁO NỢ
Ngày 31/12/2011

Mã GDV: BATCH
Mã KH: 27764
Số GD: 142

Kính gửi: **CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP THIÊN PHÚ**

Hôm nay, chúng tôi xin báo đã ghi Nợ tài khoản của quý khách với nội dung sau

Số tài khoản ghi Nợ 27915238

Số tiền bằng số: **9.876.302**

Số tiền bằng chữ: CHÍN TRIỆU TÁM TRĂM BẢY MƯỜI SÁU NGHÌN BA TRĂM LINH HAI ĐỒNG CHẴN.

Nội dung: # TRẢ LÃI VAY NGÂN HÀNG #

GIAO DỊCH VIÊN

KIỂM SOÁT

Biểu 2.4.3

CÔNG TY CP THÉP THIÊN PHÚ

Mẫu số S03a-DN

Số 79-Sở Dầu-Hồng Bàng-Hải Phòng (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Từ ngày 1/10/2011 đến ngày 31/12/2011

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SH TK	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
.....
31/12	GBC93/No	31/12	Thu tiền lãi từ ngân hàng NoPTNN chi nhánh HP	112 515	1.434.585	1.434.585
31/12	GBC136/AC	31/12	Thu tiền lãi từ ngân hàng ACB	112 515	874.646	874.646
31/12	GBC126/CT	31/12	Thu tiền lãi từ ngân hàng Công Thương	112 515	3.487.956	3.487.956
31/12	GBC109/GB	31/12	Ngân hàng GP Bank nhập lãi tiền gửi không kỳ hạn		925.860	925.860
.....
31/12	GBN142/AC	31/12	Trả lãi cho ngân hàng ACB	635 112	9.876.302	9.876.302
31/12	GBN112/ĐT	31/12	Trả lãi cho ngân hàng Đầu tư và phát triển	635 112	4.975.680	4.975.680
31/12	GBN131/CT	31/12	Trả lãi cho ngân hàng Công Thương	635 112	6.355.200	6.355.200
.....
			Cộng		202.982.559.000	202.982.559.000

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 2.4.4

CÔNG TY CP THÉP THIÊN PHÚ

Mẫu số S03b-DN

Số 79-Sở Dầu-Hồng Bàng-Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

ngày 20/0 3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tên TK: Doanh thu hoạt động tài chính

Số hiệu TK: 515

Từ ngày 1/10/2011 đến ngày 31/12/2011

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	SH TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
...			
31/12	GBC104/H2	31/12	Thu tiền lãi từ ngân hàng CP Hàng Hải	112		514.560
31/12	GBC93/No	31/12	Thu tiền lãi từ ngân hàng NoPTNN chi nhánh HP	112		1.434.585
31/12	GBC136/ACB	31/12	Thu tiền lãi từ ngân hàng ACB	112		874.646
31/12	GBC126/CT	31/12	Thu tiền lãi từ ngân hàng Công Thương	112		3.487.956
31/12	GBC109/GB	31/12	Ngân hàng GP Bank nhập lãi tiền gửi không kỳ hạn	112		925.860
31/12	GBC97/SCL	31/12	Lãi do chênh lệch tỉ giá khi thanh toán tiền hàng với cty Bảo Minh	112		1.180.240
...			
31/12	PT 252/12	31/12	Tiền lãi cho vay	138		27.452.706
31/12	PKT80	31/12	Kết chuyển doanh thu hđtc	911	138.594.270	
			Cộng số phát sinh		138.594.270	138.594.270

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 2.4.5

CÔNG TY CP THÉP THIÊN PHÚ

Mẫu số S03b-DN

Số 79-Sở Dầu-Hồng Bàng-Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tên TK: Chi phí hoạt động tài chính

Số hiệu TK: 635

Từ ngày 1/10/2011 đến ngày 31/12/2011

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SHTK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
	
31/12	GBN113/SCL	31/12	Trả lãi cho ngân hàng đồng bằng sông Cửu Long	112	1.705.000	
31/12	GBN126/ACB	31/12	Trả lãi tiền vay ngân hàng ACB chi nhánh Duyên Hải theo kế ước	112	7.275.380	
31/12	GBN 120/No	31/12	Lỗ do chênh lệch tỉ giá hối đoái khi thanh toán tiền hàng	112	2.139.000	
31/12	GBN142/ACB	31/12	Trả lãi cho ngân hàng ACB	112	9.876.302	
31/12	GBN112/ĐT	31/12	Trả lãi cho ngân hàng Đầu tư và phát triển	112	4.975.680	
31/12	GBN131/CT	31/12	Trả lãi cho ngân hàng Công Thương	112	6.355.200	
	
31/12	PC 251/12	31/12	Chi phí trả tiền lãi vay	111	74.491.625	
31/12	PKT81	31/12	Kết chuyển chi phí hđtc	911		202.573.625
			Cộng số phát sinh		202.573.625	202.573.625

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.5. Kế toán thu nhập khác, chi phí khác

* Nội dung của thu nhập khác và chi phí khác

Thu nhập khác là các khoản thu nằm ngoài các khoản thu trên. Tại công ty các khoản thu khác phát sinh không nhiều chủ yếu là từ thanh lý nhượng bán tài sản.

Chi phí khác là những khoản chi không thuộc hoạt động sản xuất kinh doanh hay hoạt động tài chính. Cũng giống như chi phí khác chi phí khác của công ty cũng chỉ là một con số nhỏ chủ yếu là chi phí nhượng bán thanh lý TSCĐ, giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý.

* Chứng từ và tài khoản sử dụng.

❖ Chứng từ sử dụng.

- Biên bản thanh lý TSCĐ
- Phiếu kế toán

❖ Tài khoản sử dụng.

- TK 711 – Thu nhập khác
- TK 811 – Chi phí khác

* Quy trình hạch toán thu nhập khác và chi phí khác tại Công ty Cổ phần Thép Thiên Phú

- Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ như phiếu kế toán, biên bản thanh lý TSCĐ,... kế toán ghi số liệu vào sổ Nhật ký chung. Sau đó căn cứ vào số liệu đã ghi trên Nhật ký chung để ghi vào sổ cái các tài khoản 711, 811,...

- Cuối quý, cuối năm kế toán tổng hợp các số liệu từ Sổ cái các TK 711, 811 làm căn cứ để lập bảng cân đối số phát sinh. Từ bảng cân đối số phát sinh ta lập ra BCTC.

Ví dụ: Ngày 11/12/2011 công ty thanh lý 1 máy điều hòa Panasonic, nguyên giá 12.235.600, đã khấu hao 7.463.716 đ. Số tiền thu được là 1.500.000 đ (chưa bao gồm thuế VAT 10%)

- Căn cứ vào biên bản thanh lý TSCĐ (biểu 2.5.1) và số tiền thu được từ thanh lý kế toán lập phiếu thu (biểu 2.5.2), từ đó làm căn cứ ghi sổ nhật ký chung (biểu 2.5.3).

Từ nhật ký chung, kế toán ghi vào sổ cái TK 711 (biểu số 2.5.4), sổ cái TK 811 (biểu số 2.5.5).

- Cuối kỳ, từ sổ cái các tài khoản được sử dụng để lập bảng cân đối số phát sinh, số liệu từ bảng cân đối số phát sinh sẽ được sử dụng lập BCTC.

Biểu 2.5.1

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-----o0o-----

BIÊN BẢN THANH LÝ NHƯỢNG BÁN TSCĐ

Ngày 11 tháng 12 năm 2011

Căn cứ vào quyết định số 88 ngày 11 tháng 12 năm 2010 của giám đốc công ty Cổ phần Thép Thiên Phú về việc thanh lý TSCĐ

I/ Ban thanh lý TSCĐ gồm:

* Bên thanh lý (bên A)

Ông : Trần Nam Phong Chức vụ : Trưởng phòng kinh doanh - Trưởng ban

Bà : Nguyễn Trà My Chức vụ : Kế toán - Ủy viên

* Bên mua (bên B)

Ông : Trần Đức Minh Chức vụ : trưởng phòng kinh doanh - Trưởng ban

Ông : Lưu Văn Đạt Chức vụ : Kỹ sư - Ủy viên

II/ Tiến hành thanh lý như sau

Tên, quy cách TSCĐ : Máy điều hòa nhiệt độ Panasonic

Nước sản xuất : Nhật Bản

Năm sản xuất: 2007

Năm đưa vào sử dụng 2008 Số thẻ TSCĐ : 054

Thời gian sử dụng 5 năm

Giá trị hao mòn đã trích đến thời điểm này là: **7.463.716 đ**

Giá trị còn lại là: 4.771.884

III/ Kết luận của ban thanh lý TSCĐ: Máy điều hòa vẫn hoạt động bình thường

Ngày 11 tháng 12 năm 2011

Trưởng ban

(ký, họ tên)

IV/ Kết quả thanh lý TSCĐ

- Giá trị thu hồi bằng tiền mặt : 1.650.000

- Đã ghi giảm sổ TSCĐ 054 ngày 12/08/2011 Đình chỉ sử dụng

Đại diện (Bên A)

(Ký, họ tên)

Ngày ...tháng ... năm...

Đại diện (Bên B)

(Ký, họ tên)

Biểu 2.5.2

CÔNG TY CP THÉP THIÊN PHÚ

Mẫu số 01 - TT

Số 79-Sở Dầu-Hồng Bàng- Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)**Phiếu Thu****Quyển số: 07****Số: PT 193/12**

Ngày 11 tháng 12 năm 2011

TK ghi nợ : 111**TK ghi có: 711, 3331**

Người nộp: Nguyễn Thị Lan

Địa chỉ: Phòng Kế toán

Về khoản: Thu từ thanh lý máy điều hòa Panasonic

Số tiền: 1.650.000 đ

Bằng chữ: Một triệu sáu trăm lăm mươi nghìn đồng chẵn.

Kèm theo: 1 chứng từ gốc

Đã nhận đủ số tiền (Viết bằng chữ): Một triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng chẵn.

Ngày 11 tháng 12 năm 2011

Giám đốc (Ký, đóng dấu)	Kế toán trưởng (Ký, họ tên)	Người lập phiếu (Ký, họ tên)	Người nộp tiền (Ký, họ tên)	Thủ quỹ (Ký, họ tên)
----------------------------	--------------------------------	---------------------------------	--------------------------------	-------------------------

Biểu 2.5.3

CÔNG TY CP THÉP THIÊN PHÚ

Mẫu số S03a-DN

Số 79-Sở Dầu-Hồng Bàng- Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Từ ngày 1/10/2011 đến ngày 31/12/2011

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SH TK	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
.....
11/12	PT 193/12	11/12	Thu từ thanh lý máy điều hòa Panasonic bằng	111 711 3331	1.650.000	1.500.000 150.000
11/12	PKT 76	11/12	Ghi giảm giá trị máy điều hòa Panasonic	214 811 211	7.463.716 4.771.884	12.235.600
.....
30/12	GBN 129/CT	30/12	Trả lãi cho ngân hàng Công Thương	635 112	7.358.606	7.358.606
31/12	GBC136/AC	31/12	Thu tiền lãi từ ngân hàng ACB	112 515	874.646	874.646
31/12	PT 264/12	31/12	Khách hàng trả nợ bằng tiền mặt	111 131	647.906.384	647.906.384
31/12	PKT80	31/12	Kết chuyển thu nhập khác quý IV	711 911	38.016.421	38.016.421
31/12	PKT81	31/12	Kết chuyển chi phí khác quý IV	911 811	49.796.894	49.796.894
.....
			Cộng		202.982.559.000	202.982.559.000

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)Ngày 31 tháng 12 năm 2011
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 2.5.4

CÔNG TY CP THÉP THIÊN PHÚ

Mẫu số S03b-DN

Số 79-Sở Dầu-Hồng Bàng- Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)**SỔ CÁI**

Tên TK: Thu nhập khác

Số hiệu TK: 711

Từ ngày 1/10/2011 đến ngày 31/12/2011

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số phát sinh			
...	
11/12	PT193/12	11/12	Thu nhập khác bằng tiền mặt	111		1.500.000
12/12	PT195/12	12/12	Thu tiền bán phế liệu	111		2.177.500
....	
31/12	PT216/12	31/12	Thu nhập khác bằng tiền gửi NH	112		8.976.540
31/12	PKT 80	31/12	K/C doanh thu HĐTC	911	38.016.421	
			Cộng số phát sinh		38.016.421	38.016.421

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 2.5.5

CÔNG TY CP THÉP THIÊN PHÚ

Mẫu số S03b-DN

Số 79-Sở Dầu-Hồng Bàng-Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

ngày 20/0 3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tên TK: Chi phí khác

Số hiệu TK: 811

Từ ngày 1/10/2011 đến ngày 31/12/2011

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số phát sinh			
...	
11/12	PKT 76	31/12	Thanh lý máy điều hòa Panasonic	211	4.771.884	
...	
29/12	PC 204/12	29/12	Chi phí khác liên quan TLNB TSCĐ	211	2.675.000	
31/12	PKT 81	31/12	K/C chi phí khác	911		49.796.894
			Cộng phát sinh		49.796.894	49.796.894

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh

* Nội dung của xác định kết quả kinh doanh

Cuối kỳ kế toán thực hiện khai báo các bút toán kết chuyển doanh thu thuần, doanh thu hoạt động tài chính, giá vốn, chi phí tài chính, chi phí quản lý doanh nghiệp, thu nhập khác, chi phí khác sang Tài khoản 911. Đồng thời, kế toán tạo bút toán kết chuyển lỗ hoặc lãi. Sau đó thực hiện bút toán kết chuyển tự động.

Thuế thu nhập doanh nghiệp được xác định khi Công ty tiến hành nộp thuế, lúc đó thuế thu nhập doanh nghiệp được tính và kế toán định khoản bằng bút toán Nợ TK 821 – Có TK 3334.

* Phương pháp xác định kết quả kinh doanh

Cuối tháng, kế toán tổng hợp thực hiện các bút toán kết chuyển các tài khoản liên quan trên phiếu kế toán (PKT). Căn cứ vào các PKT để lập sổ chi tiết xác định kết quả hoạt động kinh doanh của công ty.

Kết quả hoạt động kinh doanh được xác định như sau:

$$\text{KQKD} = \text{DTT} - \text{CF} + \text{KQTC} + \text{KQ HD khác}$$

Trong đó: **Chi phí** là chi phí giá vốn và chi phí quản lý doanh nghiệp

Kết quả tài chính: là số chênh lệch giữa doanh thu tài chính (515) và chi phí tài chính (635).

Kết quả hoạt động khác: Là số chênh lệch giữa thu nhập khác (711) và chi phí khác (811)

* Chứng từ và tài khoản sử dụng.

❖ Chứng từ sử dụng

- Phiếu kế toán

❖ Tài khoản sử dụng

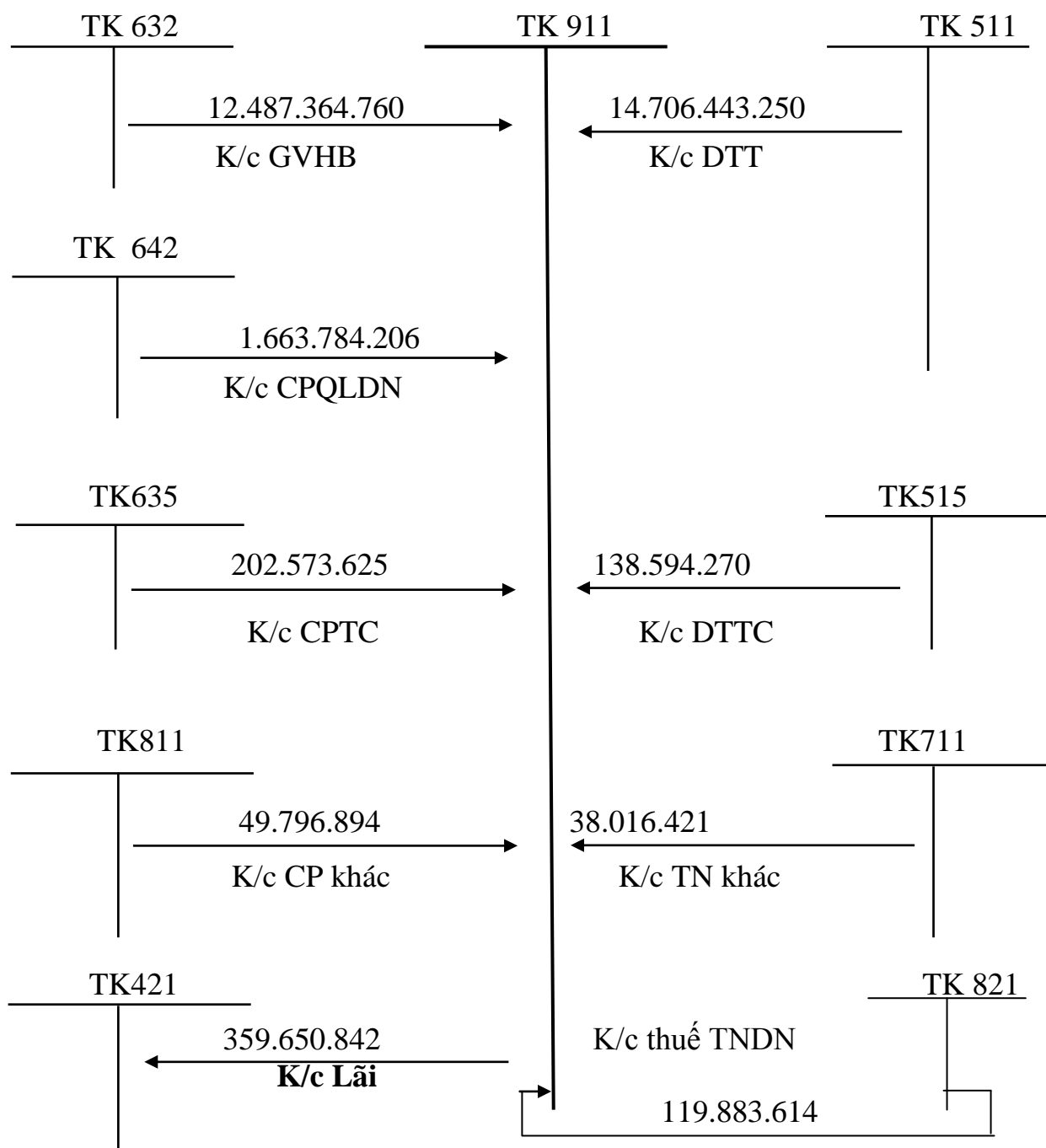
- TK 911 - Xác định kết quả kinh doanh

- TK 421 - Lợi nhuận chưa phân phối.

*** Quy trình hạch toán xác định kết quả kinh doanh**

Các bút toán kết chuyển xác định kết quả kinh doanh được khái quát bằng sơ đồ 2.5 sau đây:

Sơ đồ 2.5 : Hạch toán xác định kết quả kinh doanh quý IV năm 2011



Sau khi xác định lãi kế toán tổng hợp kết chuyển lãi sang TK 421

Cuối quý, tập hợp số liệu từ sổ sách, kế toán lập phiếu kế toán ghi có TK911 (biểu số 2.6.1), phiếu kế toán ghi nợ TK911 (biểu số 2.6.2).

- Từ sơ đồ trên kế toán ghi vào sổ nhật ký chung (biểu số 2.6.3). Từ sổ nhật ký chung kế toán ghi vào sổ cái TK911 (biểu số 2.6.4), TK821, TK421.

- Cuối kỳ, từ sổ cái các tài khoản được sử dụng để lập bảng cân đối số phát sinh, số liệu từ bảng cân đối số phát sinh và bảng tổng hợp chi tiết sẽ được sử dụng lập BCTC (biểu số 2.6.5).

CÔNG TY CP THÉP THIÊN PHÚ

Số 79-Sở Dầu-Hồng Bàng- Hải Phòng

Biểu số 2.6.1

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2011 Số: 80

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
	Ghi có TK 911			
1	K/c doanh thu bán hàng	511	911	14.706.443.250
2	K/c doanh thu hđ tài chính	515	911	138.594.270
3	K/c thu nhập khác	711	911	38.016.421
	Tổng			14.883.053.941

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Biểu u 2.6.2

CÔNG TY CP THÉP THIÊN PHÚ

Số 79-Sở Dầu-Hồng Bàng- Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2011 Số: 81

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
	Ghi nợ TK 911			
1	K/c giá vốn hàng bán	911	632	12.487.364.760
2	K/c chi phí quản lý doanh nghiệp	911	642	1.663.784.206
3	K/c chi phí tài chính	911	635	202.573.625
4	K/c chi phí khác	911	811	49.796.894
5	K/c chi phí thuế TNDN	911	821	119.883.614
6	K/c LN sau thuế	911	421	359.650.842
	Tổng			14.883.053.941

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Biểu 2.6.3

CÔNG TY CP THÉP THIÊN PHÚ

Mẫu số S03a-DN

Số 79-Sở Dầu-Hồng Bàng-Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Từ ngày 1/10/2011 đến ngày 31/12/2011

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SH TK	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
.....	
31/12	PKT80	31/12	Kết chuyển doanh thu quý IV	511 515 711 911	14.706.443.250 138.594.270 38.016.421	14.883.053.941
31/12	PKT81	31/12	Kết chuyển chi phí quý IV	911 632 635 642 811	14.403.519.485	12.487.364.760 202.573.625 1.663.784.206 49.796.894
31/12	PKT81	31/12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	911 821	119.883.614	119.883.614
31/12	PKT81	31/12	Kết chuyển lợi nhuận sau thuế	911 421	359.650.842	359.650.842
.....	
			Cộng		202.982.559.000	202.982.559.000

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 2.6.4

CÔNG TY CP THÉP THIÊN PHÚ

Mẫu số S03b-DN

Số 79-Sở Dầu-Hồng Bàng-Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)**SỔ CÁI**

Tên TK: Doanh thu bán hàng

Số hiệu TK: 911

Từ ngày 1/10/2011 đến ngày 31/12/2011

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số phát sinh			
31/12	PKT 81	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán	632	12.487.364.760	
31/12	PKT 81	31/12	K/C chi phí quản lý DN	642	1.663.784.206	
31/12	PKT 81	31/12	K/C chi phí hoạt động tài chính	635	202.573.625	
31/12	PKT 81	31/12	K/C chi phí khác	811	49.796.894	
31/12	PKT 81	31/12	K/C chi phí thuế TNDN	821	119.883.614	
31/12	PKT 81	31/12	K/C LNST	421	359.650.842	
31/12	PKT 80	31/12	K/C doanh thu bán hàng	511		14.706.443.250
31/12	PKT 80	31/12	K/C doanh thu HDTC	515		138.594.270
31/12	PKT 80	31/12	K/C thu nhập khác	711		38.016.421
			Cộng phát sinh		14.883.053.941	14.883.053.941

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)Kê toán trưởng
(Ký, họ tên)Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 2.6.5

CÔNG TY CP THÉP THIÊN PHÚ

Mẫu số B02-DN

Số 79-Sở Dầu-Hồng Bàng- Hải Phòng (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**
Quý IV năm 2011

Đơn vị tính: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý này	Quý trước
<i>1</i>	<i>2</i>		<i>3</i>	<i>4</i>
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	IV.08	14.706.443.250	13.879.684.155
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		14.706.443.250	13.879.684.155
4. Giá vốn hàng bán	11		12.487.364.760	12.234.230.116
5. Lợi nhuận gộp từ bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		2.219.078.490	1.645.454.039
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		138.594.270	92.481.362
7. Chi phí tài chính	22		202.573.625	150.071.206
Trong đó: Chi phí lãi vay				
8. Chi phí bán hàng	23		-	-
9. Chi phí quản lý kinh doanh nghiệp	24		1.663.784.206	1.212.039.142
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh(30=20+(21-22)-(24+25))	30		491.314.929	375.825.053
11. Thu nhập khác	31		38.016.421	27.854.069
12. Chi phí khác	32		49.796.894	40.763.592
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(11.780.473)	(12.909.523)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50	IV.09	479.534.456	362.915.530
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		119.883.614	90.728.883
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại			-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		359.650.842	272.186.647
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		-	-

Người lập biểu
(Ký, họ tên)Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)Lập ngày ... tháng ... năm
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

CHƯƠNG 3.

MỘT SỐ Ý KIẾN ĐỀ XUẤT NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP THIÊN PHÚ.

3.1. Đánh giá chung về tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ Phần Thép Thiên Phú.

Trong nền kinh tế thị trường có sự cạnh tranh gay gắt giữa các doanh nghiệp cùng ngành, công ty đã và đang nỗ lực không ngừng tìm ra cho mình những bước đi mới, phù hợp với khả năng đa dạng sản phẩm, mở rộng thị trường trong nước. Đặc biệt với bộ máy kế toán tổ chức hoàn chỉnh chặt chẽ tạo thành một thể thống nhất, đội ngũ nhân viên nhiệt tình trong công việc được bố trí phù hợp với khả năng của mỗi người, hệ thống sổ sách sử dụng được thiết lập trên mẫu quy định không phức tạp nhưng phản ánh đầy đủ nội dung kinh tế của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đã góp phần đắc lực vào công tác quản lý, giám sát tài chính của công ty, giúp công ty từng bước hoà nhập với nhịp điệu phát triển kinh tế của đất nước, chủ động trong hoạt động kinh doanh.

Qua quá trình thực tập và tìm hiểu về Công ty Cổ Phần Thép Thiên Phú, được tiếp cận với thực tế công tác kế toán nói chung và công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng cùng với sự giúp đỡ của các nhân viên phòng kế toán, em đã có điều kiện làm quen với thực tế và củng cố những kiến thức đã học tại nhà trường. Bên cạnh đó em đã thấy được những ưu nhược điểm của công ty như sau:

3.1.1. Ưu điểm

* Về bộ máy kế toán

- Với đặc điểm phòng kế toán có ít nhân viên và mỗi người có chức năng nhiệm vụ do đó công việc tổ chức kế toán nói chung và tổ chức doanh thu nói riêng

công việc sẽ diễn ra theo một trình tự có tính thống nhất cao hơn, việc tập hợp số liệu kế toán cũng sẽ đảm bảo chính xác hơn. Sau khi đã có những số liệu tổng hợp do những nhân viên kế toán cung cấp, kế toán trưởng sẽ tập hợp và tính toán kết quả cuối cùng nó sẽ đảm bảo tính khoa học trong công việc.

- Bộ máy kế toán của Công ty được tổ chức có hệ thống, có kế hoạch, có sự phối hợp chặt chẽ, được chỉ đạo thống nhất từ trên xuống dưới, công việc được thực hiện thường xuyên, liên tục, các báo cáo kế toán được lập nhanh chóng, đảm bảo cho việc cung cấp thông tin đầy đủ, kịp thời, chính xác, phục vụ cho công tác quản lý của Công ty.

*** Về việc vận dụng hệ thống tài khoản, chứng từ và sổ sách kế toán.**

- Công ty áp dụng hệ thống tài khoản ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính. Hình thức sổ được sử dụng hiện nay ở Công ty là hình thức Nhật ký chung - đây là hình thức sổ ghi chép đơn giản, thuận tiện.

- Nhìn chung, hệ thống chứng từ tại Công ty được tổ chức đầy đủ và hợp lý căn cứ trên các quy định của chế độ chứng từ kế toán do Bộ Tài chính ban hành và đặc điểm kinh doanh của Công ty. Các chứng từ kế toán sử dụng trong quá trình hạch toán đều phù hợp với nội dung kinh tế phát sinh, thông tin ghi chép đầy đủ, chính xác. Các chứng từ đều có chữ ký xác nhận của các bên liên quan, tạo điều kiện cho việc kiểm tra, đối chiếu giữa số liệu thực tế phát sinh với số liệu trên sổ kế toán. Bên cạnh đó chứng từ được phân loại theo hệ thống rõ ràng và có đầy đủ yếu tố cần thiết, đồng thời được tổng hợp, lưu trữ và bảo quản cẩn thận. Việc luân chuyển chứng từ được tiến hành một cách hợp lý, đảm bảo nguyên tắc nhanh chóng, kịp thời và không ảnh hưởng đến các bộ phận khác. Chính vì vậy tổ chức hệ thống sổ sách và luân chuyển sổ kế toán hợp lý, gọn nhẹ, khoa học đã giúp hạch toán kế toán và báo cáo kế toán thực hiện có nề nếp, quản lý khá chặt chẽ, công tác kế toán nói chung được thực hiện minh bạch, rõ ràng, có căn cứ vững chắc.

- Sổ sách mà công ty áp dụng để tập hợp ghi chép số liệu của quá trình hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động là hợp lý vì nó vừa đảm bảo tính

chính xác khoa học đồng thời nó đảm bảo tính đơn giản dễ dàng cho việc theo dõi kiểm tra đối chiếu khi cần.

*** Về công tác kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh**

- Về việc tổ chức kế toán doanh thu: Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh về bán hàng và cung cấp dịch vụ đều được kế toán ghi nhận doanh thu một cách kịp thời, chính xác, doanh thu được xác định một cách hợp lý và phù hợp với điều kiện ghi nhận doanh thu. Bên cạnh đó công ty theo dõi chi tiết từng loại doanh thu, chi tiết từng mặt hàng. Như vậy sẽ giám sát được chặt chẽ tình hình ứ đọng vốn, hàng hóa và xác định được cụ thể những mặt hàng tiềm năng và mặt hàng còn hạn chế.
- Về kế toán chi phí: Các chi phí phát sinh được ghi chép một cách đầy đủ, kịp thời. Giúp công ty nắm bắt được các khoản chi hợp lý, hợp lệ nhằm điều chỉnh thu chi của doanh nghiệp.
- Về kế toán xác định kết quả kinh doanh: Công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh đã phần nào đáp ứng được yêu cầu của ban lãnh đạo công ty về việc cung cấp thông tin kịp thời, chính xác về tình hình kinh doanh của công ty.

3.1.2. Nhược điểm

Bên cạnh những ưu điểm kể trên mà bộ máy kế toán công ty đã đạt được thì vẫn còn những bất cập mà kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cần khắc phục.

*** Về tổ chức bộ máy kế toán và công tác ghi chép sổ sách kế toán.**

- Bộ máy kế toán: Tuy bộ máy kế toán tại Công ty được phân công công việc tương đối rõ ràng nhưng không tránh khỏi sự phân công không đồng đều, một nhân viên kế toán đôi khi phải phụ trách nhiều công việc, điều này dễ dẫn đến những sai sót, nhầm lẫn trong quá trình làm việc. Công ty hiện đang dùng kế toán bằng tay chưa áp dụng các phần mềm kế toán không thể đáp ứng được số liệu khi cần một cách chính xác và nhanh chóng.

Bên cạnh đó trình độ chuyên môn của đội ngũ nhân viên kế toán trong phòng kế toán chủ yếu là trung cấp và cao đẳng, có một số lại là những người mới đi làm do vậy trình độ chuyên môn nghiệp vụ không cao, ít kinh nghiệm nên việc phản ánh

các nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào sổ sách kế toán chưa kịp thời, nhanh gọn, dễ dẫn đến nhầm lẫn, sai sót, không đảm bảo được nhiệm vụ, yêu cầu cao hơn của nhà quản lý.

- Công tác ghi chép sổ sách kế toán: Với tình hình kinh doanh của công ty ngày càng được mở rộng, khối lượng công việc ngày càng nhiều, công ty chưa sử dụng phần mềm kế toán còn ghi chép theo cách thủ công trên bảng tính excel, nếu nhiều nghiệp vụ phát sinh sẽ không thể ghi chép nhanh được nên dễ dẫn đến tình trạng ứ đọng công việc dễ dẫn đến những nhầm lẫn, sai sót làm giảm hiệu quả công việc, đồng thời làm tăng gánh nặng công việc của kế toán.

*** Về hệ thống sổ sách kế toán:**

Công ty là một doanh nghiệp thương mại nên các nghiệp vụ liên quan đến tiền mặt và hàng hóa tại công ty hàng ngày rất lớn, kế toán sẽ gặp khó khăn trong việc theo dõi, quản lý tiền mặt, hàng hóa. Nhưng hiện nay công ty lại không sử dụng các sổ nhật ký đặc biệt để theo dõi riêng các nghiệp vụ thường xuyên phát sinh như sổ nhật ký thu tiền, nhật ký chi tiền, nhật ký mua hàng, bán hàng.

*** Về việc áp dụng chính sách thu hồi nợ và chính sách ưu đãi với khách hàng.**

Công ty chưa chú trọng đến chính sách thu hồi nợ, lượng nợ phải thu của công ty tương đối lớn so với quy mô của công ty do đó gây mất chủ động trong vấn đề sử dụng vốn, vòng quay của vốn thép, ảnh hưởng đến tình hình tài chính của doanh nghiệp.

Hiện nay công ty cũng không có chính sách ưu đãi trong kinh doanh. Đó là việc cho khách hàng hưởng các khoản chiết khấu như chiết khấu thương mại và chiết khấu thanh toán. Việc không áp dụng chiết khấu thương mại của công ty sẽ làm cho doanh thu của công ty giảm đi đáng kể do khách hàng không được hưởng lợi nhiều khi mua hàng với số lượng lớn. Đối với việc không áp dụng chiết khấu thanh toán sẽ gây khó khăn trong việc thu hồi nợ của công ty.

*** Về việc áp dụng phương thức bán hàng linh hoạt.**

Do đặc điểm của nền kinh tế thị trường rất phong phú, các mặt hàng công ty đang kinh doanh đa dạng, giá trị tương đối lớn. Vì vậy để có thể tồn tại và ngày

càng phát triển trên thị trường thì công ty phải đa dạng hóa các phương thức bán hàng. Nhưng hiện nay trong công ty chỉ áp dụng hai phương thức bán hàng là bán buôn và bán lẻ, vì vậy đã phần nào làm giảm số lượng khách hàng không nhỏ trong tiêu thụ hàng hóa của công ty, làm giảm doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

*** Về dự phòng giảm giá hàng tồn kho.**

Mặt hàng chủ yếu của công ty là các sản phẩm thép, đây là những mặt hàng chịu sự biến động lớn của nền kinh tế thị trường đặc biệt là trong tình hình tỉ giá hối đoái đang có sự biến động lớn như hiện nay (thường xuyên tăng lên, giảm xuống bất thường), thêm vào đó giá điện, nước, xăng dầu cũng biến động không ngừng làm cho trị giá hàng hóa cũng thay đổi theo. Tuy nhiên công ty chưa lập các khoản dự phòng để bảo đảm tránh những rủi ro phát sinh từ việc giảm giá hàng tồn kho.

*** Về việc trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi**

Là một doanh nghiệp thương mại với quy mô các khoản phải thu khách hàng là khá lớn mà việc thanh toán của các khách hàng với công ty đôi khi còn rất chậm, thậm chí có những khách hàng mà doanh nghiệp không thể thu hồi được nợ. Kế toán phải thường xuyên theo dõi một phần tài sản của công ty đang trong quá trình thanh toán, hoặc cũng có thể không thanh toán được. Nhưng doanh nghiệp lại không lập khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi để giảm thiểu rủi ro. Điều này dẫn đến việc công ty không có khoản dự phòng để bù đắp những rủi ro xảy ra, ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình tài chính, gây thiếu vốn trong kinh doanh do đó kết quả kinh doanh của doanh nghiệp bị ảnh hưởng.

3.2. Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của Công ty Cổ Phần Thép Thiên Phú.

*** Sự cần thiết của việc hoàn thiện**

Kế toán là một bộ phận cấu thành của công cụ quản lý kinh tế tài chính, có vai trò tích cực trong việc quản lý, điều hành và kiểm soát các hoạt động kinh tế, căn cứ vào các số liệu kế toán cung cấp để các nhà quản lý có thể lập và kiểm tra kế hoạch sản xuất kinh doanh. Đồng thời trên cơ sở phân tích các số liệu kế toán

mà các nhà quản trị có thể đưa ra biện pháp và phương hướng kinh doanh nhằm đạt được hiệu quả kinh doanh cao nhất.

Đối với một doanh nghiệp Thương Mại với chức năng chủ yếu là lưu thông hàng hoá mà công tác kế toán doanh thu, chi phí lại ảnh hưởng trực tiếp đến lợi nhuận, kết quả kinh doanh trong một thời kỳ của doanh nghiệp. Vì vậy, kế toán doanh thu, chi phí chiếm một tỷ trọng lớn trong công tác kế toán của doanh nghiệp Thương Mại. Chúng đòi hỏi phải có sự quản lý chặt chẽ các yếu tố: giá vốn, quá trình thanh toán, thu hồi công nợ và các khoản chi phí có liên quan. Điều này giúp cho việc hạch toán kết quả kinh doanh được chính xác, tiết kiệm được chi phí, tăng vòng quay vốn, thực hiện tốt các nghĩa vụ với nhà nước.

Ngày nay khi chuyển sang nền kinh tế thị trường, nó đòi hỏi các doanh nghiệp phải cung cấp các thông tin về tình hình tài chính của mình phải kịp thời, trung thực và đầy đủ đối với các đối tác, ngân hàng và các cơ quan quản lý Nhà nước. Để làm được điều đó thì công ty phải có một mô hình bộ máy kế toán hợp lý, các nhân viên với trình độ chuyên môn giỏi...Điều đó chính là một đòi hỏi khách quan cho việc hoàn thiện kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh nói riêng.

*** Nguyên tắc của việc hoàn thiện**

- Nguyên tắc thống nhất: Đảm bảo sự thống nhất giữa các chỉ tiêu mà kế toán phản ánh. Đảm bảo sự thống nhất về hệ thống chứng từ tài khoản, sổ sách kế toán và phương pháp hạch toán.
- Thực hiện đúng chế độ Nhà nước ban hành.
- Tổ chức bộ máy kế toán gọn nhẹ, khoa học phù hợp với đặc điểm, tính chất kinh doanh của doanh nghiệp. Đơn vị phải có đội ngũ kế toán viên hiểu biết, nắm vững nghiệp vụ kế toán.
- Tiếp cận chuẩn mực quốc tế, áp dụng phù hợp với tình hình thực tế của doanh nghiệp.
- Đảm bảo cung cấp thông tin chính xác, kịp thời, đầy đủ về mọi mặt của hoạt động kinh tế tài chính của doanh nghiệp, phục vụ kịp thời cho việc chỉ đạo quá trình

kinh doanh.

Việc hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh mang lại ý nghĩa vô cùng quan trọng đối với doanh nghiệp:

+ Đối với công tác quản lý, hoàn thiện nghiệp vụ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh sẽ giúp cho các đơn vị quản lý chặt chẽ hơn hoạt động tiêu thụ hàng hóa, việc sử dụng các khoản chi phí. Từ đó doanh nghiệp có những biện pháp thúc đẩy quá trình tiêu thụ sản phẩm nâng cao doanh thu cho doanh nghiệp, xác định đúng đắn kết quả kinh doanh, phân phối thu nhập một cách chính xác và hợp lý, kích thích người lao động làm việc thực hiện đúng các nghĩa vụ đối với nhà nước.

+ Đối với công tác kế toán, hoàn thiện quá trình hạch toán nghiệp vụ kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh sẽ cung cấp tài liệu chính xác, tin cậy giúp cho các nhà quản lý đánh giá chính xác tình hình hoạt động kinh doanh của công ty. Thông qua số liệu mà kế toán phản ánh sẽ thấy được những thuận lợi, khó khăn của doanh nghiệp, từ đó các nhà quản lý sẽ đưa ra những biện pháp kịp thời để giải quyết những khó khăn và phát huy những thuận lợi nhằm mục đích đưa doanh nghiệp ngày càng tiến xa hơn trên con đường kinh doanh của mình.

*** Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của công ty Cổ Phần Thép Thiên Phú.**

Kiến nghị một: Về tổ chức bộ máy kế toán và công tác ghi chép sổ sách.

Tổ chức công tác kế toán diễn ra một cách thuận lợi thì người kế toán phải có trình độ chuyên môn, hiểu được quá trình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Do trình độ chuyên môn của đội ngũ nhân viên trong phòng kế toán chủ yếu là trung cấp và cao đẳng, trình độ chuyên môn nghiệp vụ không cao, kinh nghiệm ít nên việc phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào sổ sách kế toán chưa kịp thời, nhanh gọn, dẫn đến dễ nhầm lẫn, sai sót.

Vì vậy để thực hiện giải pháp trên thì công ty cần tổ chức các lớp huấn luyện, đào tạo nâng cao tay nghề cho đội ngũ nhân viên trong phòng kế toán. Đồng thời nếu thấy số lượng nhân viên trong phòng kế toán còn thiếu, chưa đủ hoàn thành tốt công việc được giao, công ty có thể tuyển thêm nhân viên ưu tiên những người có

trình độ chuyên môn cao, kinh nghiệm tốt. Bên cạnh đó kế toán trưởng phải sắp xếp bộ máy kế toán đúng người đúng việc. Mặt khác công nghệ thông tin hiện nay ngày một phát triển, việc áp dụng công nghệ thông tin vào quản lý tài chính kế toán là điều mà các cơ quan nhà nước và các doanh nghiệp thực sự quan tâm. Việc áp dụng phần mềm kế toán tại doanh nghiệp thể hiện bước tiến mới không chỉ cho các ngành kinh doanh nói riêng mà nó còn khẳng định bước nhảy vọt của nền kinh tế nước ta nói chung. Vì vậy công ty nên áp dụng khoa học kỹ thuật vào công tác kế toán như việc sử dụng phần mềm kế toán. Hiện nay, có rất nhiều phần mềm kế toán như phần mềm kế toán MISA, BRAVO, phần mềm kế toán Việt Nam - KTVN, FAST, SASINNOVA... Công ty nên chọn một phần mềm kế toán phù hợp với đặc điểm của Công ty và đưa các kế toán đi đào tạo nâng cao năng lực chuyên môn và cách sử dụng phần mềm kế toán. Việc áp dụng phần mềm kế toán để giảm bớt công việc của kế toán giúp cho kế toán có thể đưa ra các báo cáo nhanh chóng, chính xác nhất phục vụ cho công tác quản trị của giám đốc. Giúp giám đốc có thể đưa ra các quyết định kinh doanh kịp thời tạo lợi thế cho doanh nghiệp trong kinh doanh. Tạo niềm tin vào các báo cáo tài chính mà công ty cung cấp cho các đối tượng bên ngoài. Đồng thời giải phóng các kế toán viên khỏi công việc tìm kiếm, kiểm tra số liệu trong việc tính toán số học đơn giản nhằm chận để họ có thể dành nhiều thời gian cho lao động sáng tạo của cán bộ quản lý.

Kiến nghị 2 : Về việc hoàn thiện hệ thống sổ sách kế toán.

Vì là một công ty thương mại nên hàng ngày các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến tiền mặt tại công ty tương đối lớn, hoạt động nhập xuất hàng hóa cũng diễn ra thường xuyên, việc công ty không sử dụng các sổ Nhật ký đặc biệt sẽ làm cho doanh nghiệp khó có thể theo dõi lượng tiền và hàng hóa vào, ra trong ngày cũng như nguồn vốn, tài sản của công ty. Vì vậy công ty nên mở các sổ Nhật ký đặc biệt như sổ Nhật ký thu tiền và Nhật ký chi tiền, Nhật ký mua hàng, Nhật ký bán hàng. Dưới đây là mẫu sổ công ty nên mở:

NHẬT KÝ THU (CHI) TIỀN

Năm 2012

Ngày tháng vào sổ	Chứng từ		Diễn giải	Đã vào sổ cái	Ghi có (nợ) các TK			
	Số hiệu	Ngày tháng			TK...	TK...	TK khác	
							Số hiệu	Số hiệu
			Cộng					

NHẬT KÝ MUA HÀNG (BÁN)

Năm 2012

Ngày tháng vào sổ	Chứng từ		Diễn giải	Phải thu khách hàng (phải trả nhà cung cấp)	Ghi có (nợ) các TK			
	Số hiệu	Ngày tháng			TK...	TK...	TK khác	
							Số hiệu	Số hiệu
			Cộng					

Việc mở các sổ này sẽ giúp cho kế toán có thể dễ dàng theo dõi được lượng tiền mặt và hàng hóa vào, ra trong ngày. Đồng thời có thể cung cấp cho ban lãnh đạo công ty những thông tin cần thiết một cách chính xác và kịp thời, giúp ban lãnh đạo có thể đưa ra những quyết định đúng đắn trong công tác quản lý, kinh doanh góp phần tăng lợi nhuận.

Kiến nghị ba : Về việc áp dụng chính sách thu hồi nợ và chính sách ưu đãi.

Là công ty kinh doanh thương mại đang trên đà phát triển công ty cũng nên chú trọng đến các biện pháp nhằm thu hút khách hàng. Trong tình hình thị trường cạnh tranh gay gắt, nhiều bất ổn, giá cả mặt hàng không ngừng biến động vì vậy để tồn tại và phát triển ngày càng vững mạnh công ty nên có những chính sách chiết khấu cho những khách hàng lớn, quen thuộc, khách hàng mua hàng với số lượng lớn. Do đó chính sách chiết khấu thương mại là hoàn toàn phù hợp nhằm tăng cường và phát triển hệ thống khách hàng cho doanh nghiệp.

Chiết khấu thương mại là khoản tiền mà doanh nghiệp đã giảm trừ cho người mua hàng với khối lượng lớn theo thỏa thuận về CKTM đã ghi trên hợp đồng kinh tế, hợp đồng mua bán hoặc các cam kết mua bán hàng.

Công ty nên xây dựng căn cứ để xác định mức chiết khấu thương mại cho khách hàng:

- Tùy theo giá trị của lô hàng, công ty có thể áp dụng mức chiết khấu trên giá trị lô hàng bán cho phù hợp.
- Căn cứ vào các chính sách ưu đãi mà doanh nghiệp đã xây dựng.
- Căn cứ vào các chính sách ưu đãi của các doanh nghiệp cùng loại trên thị trường nhằm xác định mức chiết khấu phù hợp với khách hàng.

Công ty có thể áp dụng chính sách chiết khấu thương mại trong các trường hợp sau:

- + Chứng từ trong hóa đơn: Trường hợp người mua hàng với khối lượng lớn được hưởng chiết khấu thương mại thì giá bán phản ánh trên hóa đơn là giá đã giảm giá (đã trừ CKTM) thì khoản chiết khấu thương mại này không được hạch toán vào TK 521. Doanh thu bán hàng phản ánh theo giá đã trừ chiết khấu thương mại.

+ Chứng từ ngoài hóa đơn: Trường hợp người mua hàng nhiều lần mới đạt được lượng hàng mua được hưởng chiết khấu thương mại thì khoản CKTM này được ghi giảm trừ vào giá bán trên hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng lần cuối cùng. Trường hợp khách hàng không tiếp tục mua hàng hoặc khi số chiết khấu thương mại người mua được hưởng lớn hơn số tiền bán hàng được ghi trên hóa đơn lần cuối cùng thì phải chi tiền CKTM cho người mua, khoản CKTM này được hạch toán vào TK 521

Phương pháp hạch toán chiết khấu thương mại của công ty

Để hạch toán khoản chiết khấu thương mại công ty sử dụng TK 521 – Chiết khấu thương mại.

Khi hạch toán phải đảm bảo chỉ hạch toán vào tài khoản này những khoản CKTM mà người mua được hưởng.

- Phản ánh số chiết khấu thương mại thực tế phát sinh trong kỳ kế toán ghi:

Nợ TK 521 – Chiết khấu thương mại (Số tiền đã trừ thuế GTGT phải nộp)

Nợ TK 3331 – Thuế GTGT phải nộp

Có TK 111,112 – Thanh toán ngay

Có TK131 – Phải thu của khách hàng

Cuối kỳ kết chuyển số CKTM được công ty chấp nhận cho người mua phát sinh trong kỳ sang TK 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Nợ TK 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Có TK 521 – Chiết khấu thương mại.

Với việc áp dụng biện pháp khuyến khích này công ty không chỉ giữ được các khách hàng truyền thống mà còn phát triển được lượng khách hàng mới trong tương lai vì công ty đã sử dụng chính sách ưu đãi trong bán hàng giúp thúc đẩy quá trình tiêu thụ, tăng tiềm lực cạnh tranh trên thị trường. Ngoài ra việc mở thêm tài khoản này góp phần hoàn thiện đầy đủ hơn nữa hệ thống tài khoản kế toán cho công ty.

Chính sách thu hồi nợ: Hiện nay công ty Cổ Phần Thép Thiên Phú với vai trò là 1 doanh nghiệp thương mại có số lượng khách hàng tương đối lớn, việc bán

hàng không thể tránh khỏi các khoản nợ lại của khách, do đó gây khó khăn trong công tác quay vòng vốn của doanh nghiệp. Vấn đề đặt ra cần phải có những chính sách thu hồi nợ phù hợp đáp ứng tình hình kinh doanh của doanh nghiệp nhằm mang lại sự ổn định về tài chính cho công ty.

Để thực hiện tốt chính sách thu hồi nợ doanh nghiệp nên đề ra các biện pháp:

- Phải thường xuyên quan tâm, đốc thúc các khách hàng nợ tiền và những người có liên quan tham gia sát xao vào công tác thu hồi nợ.
- Có chế độ thưởng phạt rõ ràng cho những cá nhân đạt thành tích tốt trong công tác thu hồi nợ cũng như các cá nhân không hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Các biện pháp thu hồi nợ phải đảm bảo hai nguyên tắc:

- + Lợi ích công ty không bị xâm hại
- + Không mất đi bạn hàng

Doanh nghiệp nên đưa ra các chính sách thu hồi vốn và khuyến khích khách hàng trả nợ trước hạn, trong đó quan trọng và triệt để hơn cả là chính sách: Chiết khấu thanh toán.

Chiết khấu thanh toán là một trong những biện pháp nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp, đẩy mạnh số lượng tiêu thụ và rút ngắn vòng quay của vốn, nâng cao hiệu quả kinh doanh. Trong nền kinh tế đầy cạnh tranh thì đây là một yếu tố cần thiết cho sự tồn tại của doanh nghiệp.

Chiết khấu thanh toán là việc cho khách hàng hưởng một khoản tiền khi khách hàng thanh toán nợ sớm quy định.

Hiện nay công ty có một số khách hàng lâu năm, giá trị dịch vụ cung cấp khá lớn trong số đó có nhiều khách hàng thường xuyên thanh toán chậm. Công ty nên đưa ra các phương thức khuyến khích khách hàng thanh toán trước thời hạn để bổ sung nguồn vốn kinh doanh của công ty, hạn chế bớt đi các khoản đi vay. Chiết khấu thanh toán có thể áp dụng cả với những khách hàng thanh toán một nửa hóa đơn GTGT bằng tiền mặt hoặc tiền gửi ngân hàng.

Công ty nên xây dựng mức chiết khấu theo thời gian thanh toán cho khách hàng dựa trên nhiều yếu tố như:

- Số tiền mua hàng phát sinh
- Thời gian thanh toán tiền hàng
- Lãi cho vay của ngân hàng

Sau khi xác định được mức chiết khấu hợp lý, công ty cần thực hiện việc ghi chép kế toán thông qua tài khoản 635 “ Chi phí tài chính”.

Phản ánh số chiết khấu thanh toán mà khách hàng được hưởng kế toán ghi:

Nợ TK 635 – Số chiết khấu thanh toán dành cho người mua

Có TK 131,111,112 – Số tiền trả cho người mua

Cuối kỳ kết chuyển số chiết khấu thanh toán đã chấp nhận cho người mua phát sinh trong kỳ sang TK 911 – xác định kết quả kinh doanh.

Nợ TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh

Có TK 635 – Chiết khấu thanh toán

Thực hiện tốt giải pháp về thu hồi nợ giúp cho doanh nghiệp có thể thu hồi vốn nhanh chóng, rút ngắn vòng quay của vốn nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp.

Kiến nghị tư : Trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi.

- Là một doanh nghiệp thương mại, nên quy mô các khoản phải thu của khách hàng là khá lớn mà việc thanh toán của khách hàng còn chậm, thậm chí có nhiều khách hàng mất khả năng thanh toán (theo báo cáo nợ phải thu đến ngày 31/12/2011). Vì vậy việc công ty không lập khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi để tránh những rủi ro là một hạn chế lớn của công ty.

- Để khắc phục hạn chế trên, công ty nên trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi khi khách hàng không có khả năng chi trả nợ và xác định giá trị thực của một khoản tiền nợ phải thu lập trên BCTC của năm báo cáo.

Dựa trên tài liệu hạch toán chi tiết các khoản nợ phải thu của từng khách hàng, phân loại theo thời hạn thu nợ, các khách hàng quá hạn được xếp loại khách hàng khó đòi, nghi ngờ. Doanh nghiệp cần thông báo cho khách hàng và trên cơ sở thông tin phản hồi từ khách hàng, kê cả bằng phương pháp xác minh, để xác định số dự phòng cần lập theo số % khả năng mất (thất thu):

$$\frac{\text{Dự phòng phải thu khó đòi cần lập}}{\text{Nợ phải thu khó đòi}} = \text{Số \% có khả năng mất}$$

➤ **Căn cứ xác định nợ phải thu khó đòi**

✓ Nợ phải thu đã quá hạn thanh toán trên hợp đồng kinh tế, khế ước vay nợ hoặc các cam kết nợ.

✓ Nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán, nhưng tổ chức kinh tế (các công ty, doanh nghiệp tư nhân, hợp tác xã...) đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người vay nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết.

➤ **Mức trích lập:** (Theo thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009)

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán, mức trích lập như sau:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên
- Đối với nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết thì doanh nghiệp dự kiến mức tổn thất không thu hồi được để trích lập dự phòng

Tài khoản sử dụng: TK139 – Dự phòng nợ phải thu khó đòi.

➤ **Phương pháp hạch toán**

✓ Cuối năm xác định số dự phòng cần trích lập: Nợ TK642

Có TK139

Đến cuối năm tiếp theo, nếu số dự phòng nợ phải thu khó đòi ở kỳ kế toán này lớn hơn ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết thì hạch toán chênh lệch vào chi phí:

Nợ TK 642

Có TK 139

✓ Nếu số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần trích lập ở kỳ này nhỏ hơn kỳ trước thì số chênh lệch được ghi giảm trừ chi phí:

Nợ TK139

Có TK642

✓ Nếu các khoản nợ phải thu khó đòi khi xác định thực sự là không đòi được, được phép xóa nợ:

Nợ TK 139: (nếu đã trích lập dự phòng)

Nợ TK642: (nếu chưa trích lập dự phòng)

Có TK 131:

Có TK138:

Đồng thời ghi Nợ TK004

✓ Đối với nợ khó đòi đã xử lý xóa nợ sau đó thu hồi được:

Nợ TK111,112...

Có TK711

Đồng thời ghi Có TK004

Ví dụ: Căn cứ vào báo cáo công nợ đến ngày 31/12/2011, kế toán xác định:

Công ty Ngọc Trâm nợ 41.087.062, quá hạn 8 tháng.

Công ty TNHH Nam Thúy nợ 38.261.604, quá hạn 10 tháng.

.....

Xác định khoản nợ quá hạn là: 264.948.750. Trong đó số quá hạn từ 6 tháng đến 1 năm là 185.638.769, quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm là 79.309.981

Khoản nợ không đòi được: 43.786.738

Đến ngày 31/12, kế toán tiến hành trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

Số dự phòng phải thu khó đòi = $185.638.769 * 30\% + 79.309.981 * 50\% =$

95.346.621 đồng

Kế toán định khoản: Nợ TK642: 95.346.621

Có TK139: 95.346.621

Đối với khoản khách hàng nợ được xác định là không thu hồi cần xử lý đưa vào chi phí như sau:

Nợ TK642: 43.786.738

Có TK131: 43.786.738

Nợ TK004: 43.786.738

Với việc trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi giúp công ty đánh giá được khả năng thanh toán của khách hàng, đảm bảo được sự phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ, giúp cho tình hình tài chính của công ty được ổn định, ít biến động từ đó giúp cho công ty giảm mức tối đa những tổn thất về các khoản phải thu khó đòi trong cơ chế thị trường nhiều biến động như hiện nay.

Kiến nghị năm : Về dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Mặt hàng mà công ty kinh doanh là những mặt hàng có tính chất nhạy cảm, chịu sự tác động của nền kinh tế thị trường rất lớn. Hơn nữa với tình hình hiện nay, tỉ giá ngoại tệ (cụ thể là USD) biến động tương đối lớn, thường xuyên tăng, giảm bất thường. Thêm vào đó chi phí điện nước, xăng dầu cũng biến động dẫn đến giá trị hàng hóa cũng biến động không ngừng. Vì thế công ty nên lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Để trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho kế toán sử dụng *tài khoản 159 “Dự phòng giảm giá hàng tồn kho”* cuối kỳ. Tài khoản 159 được mở chi tiết cho từng loại hàng.

➤ Quy định khi lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

- Việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải tính theo từng hàng hóa tồn kho.
- Cuối niên độ kế toán, căn cứ vào số lượng, giá gốc, giá trị thuần có thể thực hiện được của từng hàng hóa, xác định khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập cho niên độ kế toán tiếp theo:
 - + Trường hợp khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập ở cuối kỳ kế toán này lớn hơn khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã lập ở cuối kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch lớn hơn được ghi tăng dự phòng và ghi tăng giá vốn hàng bán
 - + Trường hợp khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập ở cuối kỳ kế toán năm nay nhỏ hơn khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho đang ghi trên sổ kế toán

thì số chênh lệch nhỏ hơn được hoàn nhập ghi giảm dự phòng và ghi giảm giá vốn hàng bán.

➤ **Phương pháp hạch toán.**

- Cuối kỳ kế toán năm, khi lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lần đầu tiên, ghi:

Nợ TK632:

Có TK159:

- Cuối kỳ kế toán năm tiếp theo:

+ Nếu khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập ở cuối kỳ kế toán năm nay lớn hơn khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã lập ở cuối kỳ kế toán năm trước nhưng chưa sử dụng hết thì số chênh lệch lớn hơn, ghi:

Nợ TK632:

Có TK159:

+ Nếu khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập ở cuối kỳ kế toán năm nay nhỏ hơn khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã lập ở cuối kỳ kế toán năm trước nhưng chưa sử dụng hết thì số chênh lệch nhỏ hơn, ghi:

Nợ TK159:

Có TK632:

Việc công ty lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho sẽ giúp cho doanh nghiệp giảm thiểu được những tổn thất do sự biến động giá trị của hàng hóa gây ra, đồng thời có thể đáp ứng được nhu cầu của khách hàng, tăng khả năng cạnh tranh với các doanh nghiệp kinh doanh cùng một lĩnh vực.

KẾT LUẬN

Trong quá trình chuyển đổi nền kinh tế và tiến trình phát triển của đất nước, cơ chế nhà nước được đổi mới với những chính sách mở cửa đã mang lại những cơ hội cũng như những thách thức cho sự phát triển hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Nó đòi hỏi các doanh nghiệp phải luôn tìm tòi sáng tạo, hoàn thiện phương thức kinh doanh bằng một hệ thống công cụ quản lý kinh tế nhằm đạt được mục tiêu của doanh nghiệp. Từ đó, em nhận thấy rõ hơn vai trò của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Đồng thời luôn luôn có khoảng cách giữa lý thuyết và thực tiễn, nói cụ thể hơn là mỗi doanh nghiệp đều có những đặc điểm riêng vì vậy công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh, phương pháp hạch toán cũng phải có những bước vận dụng linh hoạt từ chế độ kế toán nhà nước vào trong bản thân đơn vị mình.

Qua quá trình học tập và thời gian tìm hiểu thực tế cùng với sự chỉ bảo của cán bộ nhân viên phòng kế toán tại công ty Cổ Phần Thép Thiên Phú, em đã mạnh dạn đưa ra một số kiến ý kiến đóng góp để góp phần hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ Phần Thép Thiên Phú. Đặc biệt cùng với sự giúp đỡ nhiệt tình của Ths. Vũ Hùng Quyết đã giúp đỡ em hoàn thành chuyên đề tốt nghiệp. Tuy nhiên, với kiến thức còn nhiều hạn chế và khả năng tìm hiểu thực tế chưa cao nên bài viết của em còn nhiều thiếu sót. Em rất mong sẽ nhận được những góp ý quý báu của các thầy cô giáo, các cô chú anh chị trong phòng kế toán trong Công ty và các bạn để bài luận văn được hoàn thiện hơn, giúp em có những kiến thức và kinh nghiệm tốt trong công việc sau này.

Cuối cùng em xin bày tỏ lòng cảm ơn chân thành tới **Ths. Vũ Hùng Quyết** cùng toàn thể thầy cô giáo khoa Quản trị kinh doanh trường Đại học Dân Lập Hải Phòng cũng như sự giúp đỡ của các cô chú, anh chị trong Công ty Cổ Phần Thép Thiên Phú để em có thể hoàn thành bài luận văn tốt nghiệp này.

Hải phòng, ngày 02 tháng 07 năm 2012

Sinh viên

Phạm Thị Lan Hương

Tài liệu tham khảo

1. Kế toán tài chính - Nhà xuất bản Tài chính Hà Nội - Năm 2007
2. Chế độ kế toán doanh nghiệp (Quyển 1) – Năm 2008
Hệ thống tài khoản kế toán - Nhà xuất bản tài chính
3. Chế độ kế toán doanh nghiệp (Quyển 2) – Năm 2008
Báo cáo tài chính, chứng từ và sổ kế toán, sơ đồ kế toán - Nhà xuất bản tài chính.
4. Hệ thống chuẩn mực Kế toán Việt Nam ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ – BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Trưởng Bộ Tài chính – Năm 2006
5. Giáo trình kế toán tài chính của trường ĐH Kinh Tế Quốc Dân
6. Giáo trình kế toán tài chính của trường Học Viện Tài Chính – Hà Nội
7. Khóa luận của các anh chị khoá trên trường ĐHDL Hải Phòng.